

**Phụ lục 09: Thực trạng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025,
định hướng giai đoạn 2026-2030”**

Phần thứ nhất

**Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1 Đối với cấp tỉnh

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục dành sự quan tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình NTM; thành lập bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình, ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

a) Kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; hệ thống cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình ở các cấp (tỉnh, huyện); bố trí cán bộ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới ở xã

- Về Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025:

+ Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng đô thị văn minh tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được thành lập theo đúng quy định của Trung ương. Ban Chỉ đạo tỉnh với đầy đủ các thành phần trong hệ thống chính trị, tổ chức đoàn thể xã hội, đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo được cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện Chương trình. Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Trưởng ban Chỉ đạo là các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh gồm đầy đủ Giám đốc các sở, thủ trưởng các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, đảm bảo đưa cả hệ thống chính trị vào cuộc và hoạt động hiệu quả.

+ Cấp huyện:

Trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ban Chỉ đạo tại các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021 - 2025 được thành lập, kiện toàn và hoạt động đúng quy định. Ban Chỉ đạo cấp huyện do đồng chí Bí thư cấp ủy cấp huyện làm Trưởng ban.

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa 02 cấp từ ngày 01/7/2025, các đơn vị hành chính cấp huyện chấm dứt hoạt động, do đó không còn tổ chức Ban Chỉ đạo cấp huyện.

+ Cấp xã, cấp thôn: Các xã thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban và Ban quản lý Chương trình do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Các thôn đều thành lập Ban Phát triển thôn và Ban Giám sát cộng đồng, tích cực hoạt động và hoạt động có hiệu quả.

- *Hệ thống cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình ở các cấp (tỉnh, huyện); bố trí cán bộ phụ trách về xây dựng nông thôn mới ở xã:* Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Văn bản số 01/BCĐ CTMTQG ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp giai đoạn

2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã đã kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện, hiện nay các đơn vị hành chính cấp huyện chấm dứt hoạt động nên không còn tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện. 100% xã đã bố trí cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mới.

b) Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện Chương trình

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 06/9/2021 về tổ chức quán triệt học tập tuyên truyền Nghị quyết.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025:

+ HĐND tỉnh ban hành 08 Nghị quyết: (1) cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022-2025¹; (2) chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM²; (3) nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM³; (4) Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025⁴. (5) Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM⁵. (6) Phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2025 thực hiện các chương trình MTQG⁶. (7) Quy chế về huy động, lồng ghép nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình MTQG⁷. (8) Một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch⁸.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM⁹; Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025)¹⁰; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025¹¹; Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả tỉnh chung sức xây

¹ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

² Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

³ Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022

⁴ Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022, Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 19/12/2023

⁵ Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022

⁶ Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 25/8/2022

⁷ Nghị quyết 94/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

⁸ Nghị quyết 98/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

⁹ Quyết định số 3004/KH-UBND ngày 25/8/2021

¹⁰ Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 25/5/2021

¹¹ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh

dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM” giai đoạn 2021 – 2025¹²; ban hành kế hoạch, chương trình thực hiện 6 Chương trình chuyên đề trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh¹³.

+ Tất cả các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Quyết định số 2114/QĐ-TTg, Quyết định số 3004/QĐ-UBND; chỉ đạo các địa phương rà soát cập nhật theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; giao và chấp thuận tổ chức, đơn vị đỡ đầu, tài trợ các thôn, xã xây dựng NTM tại các xã, thôn chưa đạt chuẩn của huyện Hương Khê¹⁴.

+ Trên cơ sở các Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, cập nhật đảm bảo đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và đã ban hành đầy đủ kịp thời các Bộ tiêu chí thực hiện trên địa bàn tỉnh¹⁵; các sở, ngành kịp thời ban hành ban hành đầy đủ hướng dẫn để tổ chức thực hiện.

+ UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành địa phương tập trung cao thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 321/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ¹⁶.

+ Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG; xây dựng đô thị văn minh và Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025¹⁷.

+ Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá giữa kỳ thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025 và ban hành kết luận.

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp, UBND tỉnh đã thực hiện bãi bỏ, điều chỉnh các văn bản thực hiện Chương trình; ban hành các văn bản chỉ đạo các địa phương thực hiện Chương trình.

c) Công tác kiểm tra, giám sát

¹² Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh

¹³ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 4/4/2023; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 01/6/2023; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2023 thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 17/4/2023 về việc thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 8/5/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025

¹⁴ các Quyết định: số 834/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao chấp thuận đỡ đầu, tài trợ xây dựng NTM tại 8 xã (Hương Lâm, Hương Liên, Hà Linh, Điền Mỹ, Hương Thủy, Hương Bình, Hòa Hải, Phúc Đồng) huyện Hương Khê; số 912/QĐ-UBND ngày 19/04/2023 về việc điều chỉnh tổ chức, đơn vị đỡ đầu và chấp thuận đỡ đầu, tài trợ các thôn, xã xây dựng NTM.

¹⁵ Văn bản số 1273/UBND-NL₅ ngày 23/3/2023, Văn bản số 6783/UBND-NL₅ ngày 30/11/2023.

¹⁶ Văn bản số 3648/UBND-NL₅ ngày 27/6/2024.

¹⁷ Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 21/7/2022.

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình NTM được quan tâm; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn giám sát đối với một số huyện và sở ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Thực trạng, hiệu quả và tính bền vững của khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và cơ chế hỗ trợ xi măng trên địa bàn tỉnh”. Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tổ chức 16 cuộc kiểm tra và làm việc về xây dựng NTM và tháo gỡ khó khăn tại các huyện.

- Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí ngành phụ trách; tổ chức thẩm tra, thẩm định đối với 10 xã đạt chuẩn NTM, 46 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 5 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và 02 huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao. Chỉ đạo các địa phương thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các xã nâng cấp, cập nhật các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

1.2 Đối với cấp huyện, xã: Đã quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình NTM, đã thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình NTM theo hướng dẫn của tỉnh, hoạt động khá hiệu quả; ban hành cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về nông thôn mới; xây dựng Kế hoạch và phân công, phân nhiệm cho tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung, mục tiêu chương trình NTM ở cấp mình đảm bảo đạt kế hoạch đề ra.

II. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

a) *Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản:* Đến nay toàn tỉnh có 1.253/1.512 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu (chiếm 82,8%).

b) *Số xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM:* Đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 169/169 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100%), 69/169 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 40,4%), 18 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 10,7%). Từ ngày 01/7/2025 thực hiện chính quyền hai cấp, tỉnh Hà Tĩnh có 60 xã, UBND các xã tổ chức rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, kết quả có 60/60 xã tiếp tục đạt chuẩn nông thôn mới; 06 xã đạt nông thôn mới nâng cao.

b) *Số đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM; số huyện được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao.*

- *Về huyện đạt chuẩn NTM:* Đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 9/9 huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 100%);

- *Về thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:* Đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 3/3 thành phố, thị xã đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 100%);

- *Về huyện đạt chuẩn NTM nâng cao:* Đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 2/9 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao (huyện Đức Thọ và Nghi Xuân), đạt 25%;

c) Về tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Đến ngày 30/6/2025 tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn 8/8 yêu cầu tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định số 321/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

(1) Có Đề án xây dựng NTM toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua: Đề án thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020.

(2) Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường: Trên địa bàn tỉnh có 907,58km đường huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ được trồng cây xanh dọc tuyến đường/tổng số km có thể trồng 1246,15 km, đạt 73% (đường huyện có 435,15km/537,55 km, đường tỉnh có 192,93 km/230,6 km, quốc lộ có 279,5km/ 478 km).

(3) Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người hiện nay Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh trung bình đạt 5,27 m²/người.

(4) Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (SIPAS) đạt từ 80% trở lên: Năm 2024 chỉ số SIPAS của Hà Tĩnh đạt 85,17%, xếp 16/63 tỉnh thành và xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung bộ.

(5) Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025: Toàn tỉnh hiện có 69/169 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 40,8%.

(6) Có 100% huyện đạt chuẩn NTM: Hiện nay toàn tỉnh có 9/9 huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 100%).

(7) Có 100% thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Toàn tỉnh hiện có 3/3 thành phố, thị xã đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 100%).

(8) Có ít nhất 20% huyện đạt chuẩn NTM nâng cao: 2 huyện Đức Thọ, Nghi Xuân đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao (chiếm 25% số huyện toàn tỉnh).

III. Kết quả thực hiện theo các nội dung chủ yếu

1. Công tác quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, làm cơ sở lập quy hoạch chung các xã, các đô thị, các khu chức năng thuộc huyện. Quy hoạch cảnh quan, kiến trúc nông thôn cần chú trọng đến bảo tồn, chỉnh trang các không gian làng, xã mang đặc trưng của vùng miền, bảo đảm phù hợp, tạo nên sự hài hòa và thân thiện với môi trường. Kết quả đã có 169/169 xã thực hiện thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy hoạch vùng huyện, gắn với kết nối đô thị. Sau khi phê duyệt quy hoạch nông thôn mới, các xã đã tổ chức họp công bố công khai, tổ chức cắm mốc theo quy định; công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch được thực hiện trên cơ sở đồ án quy hoạch nông thôn mới và quy chế quản lý quy hoạch được phê duyệt.

Về quy hoạch xây dựng vùng huyện: 100% đơn vị cấp huyện đã thực hiện việc lập thẩm định và đã được UBND tỉnh phê duyệt các đồ án quy hoạch vùng huyện.

2. Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư, nâng cấp, tạo bước thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn Hà Tĩnh so với cả nước và khu vực

- Hạ tầng về giao thông nông thôn được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng. Giai đoạn 2021-2025, thông qua cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh làm được 1.437km đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng, 563,2km nâng cấp phục hồi mặt đường, 321,9km rãnh thoát nước các loại. Các tuyến đường giao thông nông thôn đã kết nối liên hoàn và thông suốt với mạng lưới đường Quốc lộ, đường tỉnh và đường đô thị về tận thôn, xóm: 100% xã đạt tiêu chí Giao thông; đối với tiêu chí cấp huyện, 100% đơn vị cấp huyện đều đạt tiêu chí giao thông và được đánh giá đạt tiêu chí giao thông trong xây dựng huyện đạt chuẩn NTM, thị xã/thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Hệ thống giao thông nội đồng hiện đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất của người dân, giai đoạn 2021-2025 toàn tỉnh làm được khoảng 221km đường bê tông xi măng nội đồng.

- Hạ tầng nước sạch nông thôn được ưu tiên nguồn lực đầu tư; Từ năm 2021 đến nay, đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm 20 dự án¹⁸ cấp nước tập trung, nâng tổng số lên 29 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung¹⁹; có 14 hệ thống đầu nối với công trình cấp nước sạch đô thị và trên 234.000 công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào, thiết bị lọc nước). Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đến cuối năm 2025 đạt 32,3% (tăng thêm 13,95% so với năm 2020)²⁰. Thông qua chính sách hỗ trợ lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình mang lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng và chất lượng sống, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đảm bảo quy chuẩn: hỗ trợ được 1.182 hộ gia đình lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt (máy lọc nước) nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn tăng thêm 0,4%.

- Hạ tầng điện được đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của Nhân dân. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 275,6 km đường dây 110kV và 13 trạm biến áp (689 MVA) (tăng 43 km và 4 trạm so với 2020); 3.748 km đường dây trung áp với 4.197 trạm biến áp phân phối (1.305MVA) (tăng 643km và 720 trạm); 7.918 km đường dây hạ áp (tăng 741 km), phục vụ trên 487.540 khách hàng sử dụng điện (tăng 8%)²¹. Hệ thống điện cơ bản đáp ứng nhu cầu phụ tải, tỷ lệ tổn thất điện năng giảm còn 6,01% (năm 2020 là 8,15%); 100% xã, phường và hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ lưới điện quốc gia, đạt tiêu chí điện

¹⁸ Gồm: 17 dự án được phân bổ tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh và 03 dự án (Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân thị trấn Hương Khê và 08 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê, Công trình cấp nước Khe Xai, huyện Thạch Hà, Công trình cấp nước Trà Sơn, huyện Can Lộc)

¹⁹ với công suất thiết kế 61.580 m³/ngày đêm, công suất khai thác thực tế 28.819 m³/ngày đêm (đạt 44% và hiệu suất hoạt động các công trình đạt từ 56 ÷ 91,3%)

²⁰ Dự kiến đến cuối năm 2026 sẽ nâng lên 41,14%

²¹ Tương ứng với khoảng 35.000 khách hàng

trong xây dựng nông thôn mới. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 đạt hơn 2.630 tỷ đồng (tăng 810 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 là 1.820 tỷ đồng).

- Hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và hiện đại. Giai đoạn 2021-2025, xây dựng mới 03 chợ, nâng cấp, cải tạo 32 chợ, trong đó công tác xã hội hóa đầu tư đạt kết quả cao (chiếm trên 98%)²². Đến nay, toàn tỉnh có 151 chợ đang hoạt động (trong đó 101 chợ là tài sản do Nhà nước đầu tư) được tổ chức quản lý khá hiệu quả²³. Đến cuối năm 2025, 100% xã trên địa bàn có chợ hoặc cơ sở bán lẻ khác (siêu thị mini, cửa hàng kinh doanh tổng hợp...) cơ bản đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Các mô hình "Chợ kinh doanh thực phẩm" từng bước được nhân rộng, đáp ứng tốt các tiêu chí về an toàn thực phẩm. Hạ tầng thương mại nông thôn ngày càng phát huy tốt vai trò là kênh phân phối, tiêu thụ chủ lực cho các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh; đồng thời bước đầu tích hợp hiệu quả phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số tại khu vực nông thôn.

- Một số hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp từng bước được đầu tư. Đến nay đã đầu tư hoàn thiện đưa vào khai thác sử dụng 03 cảng cá và 03 khu neo đậu tránh trú bão tại các cửa lạch (cửa Hội, cửa Sốt và cửa Nhượng) và đang tiếp tục đầu tư hoàn thiện Khu neo đậu tránh trú bão cửa Khâu. Giai đoạn 2022 - 2025, hỗ trợ chính sách làm 27km đường lâm nghiệp; đầu tư hoàn thiện đưa vào khai thác, sử dụng Dự án Hạ tầng nuôi trồng thủy sản xã Mai Phú và Hộ Độ, Lộc Hà...

3. Kinh tế nông thôn có bước phát triển khá, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, đạt trên 55 triệu đồng/năm.

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục chuyển biến tích cực. Toàn tỉnh có 12 nghề truyền thống (tăng 02 nghề so với năm 2020), 6 làng nghề (tăng 04 làng nghề) và 7 làng nghề truyền thống (tăng 02 làng nghề truyền thống) được công nhận; doanh thu đạt khoảng 1.410 tỷ đồng (tăng gần 300 tỷ đồng), tạo việc làm cho gần 6.000 lao động (tăng 2.000 lao động). Các nghề truyền thống như mộc, đan lát, nón lá, làm trống, chế biến nước mắm, kẹo cu đơ... được duy trì và phát triển, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, đồng thời gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương (Phụ lục 10, biểu 17).

- Hoạt động thương mại, dịch vụ nông thôn có bước phát triển đột phá, đóng vai trò động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ. Ngành dịch vụ phục hồi nhanh sau đại dịch Covid 19, tốc độ tăng trưởng đạt gần 7%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh tăng bình quân 15%/năm. Song song với thương mại truyền thống, phương thức kinh doanh hiện đại, thương mại điện tử được đẩy mạnh, tạo "luồng gió mới" cho kinh tế nông thôn; bước đầu đã hỗ trợ các cơ sở sản xuất, chủ thể sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiếp cận và vận hành gian hàng trên các sàn TMĐT lớn như Shopee, TikTok Shop, Postmart... góp phần quảng bá các

²² nguồn vốn ngoài ngân sách đạt 417,7 tỷ đồng

²³ các chợ do UBND cấp huyện quản lý trước đây đã được bàn giao đồng bộ cho UBND cấp xã tiếp nhận, quản lý và khai thác, đảm bảo duy trì hoạt động xuyên suốt, ổn định

sản phẩm OCOP và sản phẩm nông thôn ra thị trường, nhiều cơ sở có doanh thu tăng trên 40% so với trước năm 2021.

- Ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, dịch vụ thương mại nông thôn tiếp tục được quan tâm phát triển theo hướng chế biến sâu. Bước đầu thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án lớn với công nghệ hiện đại (chế biến gỗ, sữa bò, thủy sản, Nhung hươu,...). Tổng giá trị sản xuất ngành chế biến nông lâm thủy sản đạt trên 1.000 tỷ đồng/năm, nhiều sản phẩm như gạo, chè, thủy hải sản, gỗ... xuất khẩu sang các thị trường như EU, Nhật Bản, Afghanistan, Pakistan... đóng góp lớn vào giá trị xuất khẩu của tỉnh²⁴. Tuy nhiên, phần lớn cơ sở chế biến vẫn còn quy mô nhỏ, công nghệ chưa đồng bộ²⁵.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân, đến nay toàn tỉnh có 268 sản phẩm còn hiệu lực chứng nhận OCOP, trong đó: 02 sản phẩm đạt 5 sao, 15 sản phẩm đạt 4 sao, 251 sản phẩm đạt 3 sao, ; chất lượng sản phẩm được nâng lên, thị trường tiêu thụ được mở rộng, có 08 sản phẩm xuất khẩu²⁶ và một số sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu²⁷. Hiệu quả kinh tế của các chủ thể tham gia Chương trình được nâng lên rõ rệt, sản lượng tiêu thụ sản phẩm OCOP bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 15%/năm, doanh thu bình quân đạt 170 tỷ đồng/năm.

4. Văn hóa, xã hội, giáo dục, dịch vụ y tế nông thôn được quan tâm, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng các chính sách của người dân nông thôn; môi trường, cảnh quan nông thôn chuyển biến rõ nét, phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu lan tỏa sâu rộng; an ninh trật tự xã hội khu vực nông thôn đảm bảo vững chắc

- Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao dân trí và nguồn nhân lực khu vực nông thôn. Mạng lưới trường lớp được sắp xếp tinh gọn, cơ sở vật chất tăng cường, 565/640 trường công lập đạt chuẩn quốc gia (88,28%) góp phần cải thiện điều kiện dạy và học ở nông thôn. Hệ thống trung tâm GDNN-GDTX tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả²⁸, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, đào tạo nghề cho người dân và lao động nông thôn. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì vững chắc²⁹. Công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh. Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã tuyển sinh, đào tạo 79.890 lao động, trong đó tổ chức 60 lớp đào tạo nghề cho hơn 2.000 lao động nông thôn. Riêng đào tạo nghề nông nghiệp (kỹ

²⁴ Năm 2025, đã xuất khẩu 2.550 tấn chè đạt 5,5 triệu USD, 2.555 tấn gạo đạt hơn 1 triệu USD.

²⁵ Toàn tỉnh hiện có 604 cơ sở chế biến nông lâm thủy sản có giấy đăng ký kinh doanh (297 cơ sở chế biến nông sản, 109 cơ sở chế biến thủy sản, 01 cơ sở chế biến muối, 53 cơ sở chế biến nhiều mặt hàng và 144 cơ sở chế biến lâm sản)

²⁶ Bánh ram Nam Chi (Hàn Quốc), Cu đơ Bà Hường (Newziland), Bánh đa vùng Nguyên Lâm (Ba Lan, Nga và Nhật Bản), Sữa Mai Dung (Nhật Bản), Nước mắm Luận Nghiệp (Nga, Angola, Nam Phi, đang hoàn thiện hồ sơ để xuất khẩu sang Úc), nước mắm Phú Sáng (Úc), nước mắm Nhất Ninh.

²⁷ Nhung hươu Chiến Sơn, Việt Gold, Tôm nõn Hoa Linh Chi, Đông trùng hạ thảo Phú Nhân, Trầm Tâm Thiên Hương,...

²⁸ 01 Trung tâm GDTX tỉnh; 08 Trung tâm GDNN-GDTX; 04 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp và 01 trường THPT tự thực thực hiện chương trình GDTX cấp THPT

²⁹ chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2

thuật cây ăn quả, chăn nuôi, thú y, ...) cho khoảng 1.850 lao động, với tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt khoảng 85%. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80,2%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 39%. Công tác đào tạo nghề đã góp phần nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật cho lao động nông thôn, giúp người dân áp dụng vào sản xuất, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn tiếp tục được quan tâm; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, cơ sở vật chất và thiết bị y tế từng bước được đầu tư, chất lượng khám bệnh, chữa bệnh được nâng cao; nhiều chỉ tiêu về y tế, sức khỏe của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đến năm 2025, toàn tỉnh đã cấp được 521.451 thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ có mức sống trung bình với kinh phí hơn 1.302 tỷ đồng; 95% số xã đạt tiêu chí y tế trong xây dựng nông thôn mới. Giai đoạn 2021-2025, đã đầu tư nâng cấp 19 trạm y tế và xây dựng, cải tạo 33 trạm y tế. Trên 95% người dân được lập và cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% trạm y tế xã triển khai phần mềm quản lý tiêm chủng và khám chữa bệnh, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân nông thôn.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, 100% xã có quy hoạch đất xây dựng công trình văn hóa, thể thao; 100% thôn có nhà văn hóa - khu thể thao, 100% xã có nhà văn hóa, sân vận động và điểm vui chơi giải trí. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại khu dân cư được duy trì thường xuyên; phong trào gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được đẩy mạnh, thu hút đông đảo người dân tham gia. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng; nhiều di sản được bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị³⁰. Hoạt động du lịch nông thôn từng bước phát triển (có 18/40 khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận, lượng khách đạt khoảng 3,5-4 triệu lượt/năm). Công tác tập huấn, quảng bá du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp nông thôn và sản phẩm OCOP được tăng cường, góp phần giới thiệu hình ảnh và tiềm năng du lịch Hà Tĩnh.

- Công tác bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực, việc thu gom và xử lý chất thải dần đi vào nề nếp; hình thành nhiều tuyến đường xanh sạch đẹp; phong trào xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu tiếp tục lan tỏa sâu rộng, toàn tỉnh đã có 1.253/1.512 thôn đạt chuẩn (chiếm 82,8%); góp phần xây dựng cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp, tạo nên những vùng quê đáng sống.

- Công tác đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn được duy trì tốt. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp đảm bảo cả về an ninh, trật tự tại cơ sở và trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ; công tác quản lý nhà nước được tăng cường. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn liền với các phong trào khác³¹. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng nông thôn mới đạt kết quả cao. Trước thời điểm

³⁰ như Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ, văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu, dân ca Ví, Giặm, Ca Trù, Truyện Kiều, Trò Kiều

³¹ Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Cả tỉnh chung sức xây dựng NTM”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Xây dựng mới, củng cố, nhân rộng 47 loại mô hình tổ chức quần chúng tự quản về ANTT ở cơ sở, tiêu biểu như: Mô hình “Camera an ninh”, “Khu dân cư bình yên, chung sức xây dựng NTM”, “Khu dân cư an toàn về phòng cháy và chữa cháy”, “Tổ liên gia tự quản về ANTT”, “Zalo kết nối bình yên”,...

thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, có: 09/09 huyện đạt tiêu chí ANTT huyện nông thôn mới, trong đó có 02 huyện (Đức Thọ, Nghi Xuân) đạt tiêu chí ANTT huyện nông thôn mới nâng cao; 03 đơn vị đạt tiêu chí ANTT trong quy định thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 169/169 xã đạt tiêu chí ANTT xã nông thôn mới, 69 xã đạt tiêu chí ANTT xã nông thôn mới nâng cao, 18 xã đạt tiêu chí ANTT xã nông thôn mới kiểu mẫu.

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

1.1 Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình có nhiều đổi mới theo hướng trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu; đã ban hành và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình, cụ thể hóa các Văn bản theo quy định của trung ương, ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn;

1.2 Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn được quan tâm, đầu tư xây dựng, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, nhất là giao thông; cơ sở vật chất văn hóa, y tế... Kinh tế nông thôn tăng trưởng khá, năng lực, trình độ sản xuất được nâng lên, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tập trung chỉ đạo và có những thành công bước đầu, tạo sức lan tỏa rộng rãi góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân. Công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn ngày càng được thực hiện tốt hơn, nhất là việc hầu hết các xã, thôn đã triển khai phân loại rác tại hộ gia đình; từng bước thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình và trong Khu dân cư.

1.3 Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” tiếp tục lan tỏa sâu rộng, khơi dậy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cơ sở trong tổ chức thực hiện.

1.4 Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tiếp tục khẳng định vai trò là động lực then chốt thúc đẩy phát triển toàn diện khu vực nông thôn, góp phần chuyển biến rõ nét diện mạo nông thôn và cải thiện đáng kể đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đến ngày 30/6/2025 (trước thời điểm thực hiện chính quyền 2 cấp), Hà Tĩnh hoàn thành các mục tiêu Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; có 169/169 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100%, cao hơn bình quân cả nước (đạt 79,3%), trong đó 69 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt 40,8% (cả nước 42,2%) và 18 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, đạt 10,7% (cả nước 12,2%). Có 12/12 đơn vị cấp huyện (gồm 9 huyện và 3 thành phố, thị xã) đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 100%, trong khi bình quân cả nước đạt khoảng 51%); trong đó 02 huyện Đức Thọ và Nghi Xuân đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 25% số huyện của tỉnh (toàn quốc có 48 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 7,43%). Hà Tĩnh là 1 trong 19 tỉnh có 100 số xã đạt chuẩn NTM và 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, hoàn thành 8/8 yêu cầu tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (toàn quốc có 13 đơn vị cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận).

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo ở một số sở, ngành, địa phương có thời điểm còn chưa quyết liệt.

- Một số tiêu chí đạt được mới ở mức chạm chuẩn: Thu nhập, Môi trường (chỉ tiêu tỷ lệ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)....

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Nguồn thu ngân sách các địa phương từ cấp quyền sử dụng đất bị ảnh hưởng lớn do thị trường bất động sản hạ nhiệt trong những năm qua nên việc cân đối, bố trí vốn để đầu tư, nâng cấp một số công trình gặp nhiều khó khăn.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 ban hành chậm, quá trình thực hiện gặp nhiều vướng mắc, bất cập phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; một số chỉ tiêu trong các Bộ tiêu chí NTM phải lùi thời gian áp dụng, điều chỉnh, sửa đổi.

- Giai đoạn 2021 - 2025, Trung ương không có quy định rõ ràng về tổ chức bộ máy của Văn phòng Điều phối các cấp nên khó khăn, lúng túng trong tham mưu tổ chức thực hiện; mô hình tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới ở các địa phương trong toàn quốc không thống nhất nên khó lựa chọn mô hình phù hợp để tham mưu áp dụng.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao của một số sở, ngành địa phương có thời điểm chưa quyết liệt, chưa chủ động.

- Bộ máy tổ chức Ban Chỉ đạo, hệ thống Văn phòng NTM các cấp, nhất là đối với cấp huyện, xã có thời điểm sau kiện toàn chưa huy động được cả Hệ thống chính trị vào cuộc, gặp một số khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, điều phối, nên hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý, tham mưu thực hiện chưa cao.

IV. Bài học kinh nghiệm

(1). Có quan điểm đúng đắn, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; xác định rõ xây dựng nông thôn mới là Chương trình có tác động lớn, toàn diện đến xã hội nông thôn; tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc một cách quyết liệt, với phương châm: “Dựa vào dân để lo cuộc sống cho dân”, "Nâng đầu đỡ cuối, tất cả cùng tiến bộ, phát triển", "Dừng lại là rớt chuẩn", "Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc".

(2). Quá trình thực hiện, phải đặc biệt quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ, người dân và cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Biết lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng và kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng mô hình, điển hình tốt, thuyết phục để nhân rộng; phải luôn biết "giữ lửa" cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

(3). Có cơ chế, cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa; Ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính hỗ trợ, kích hoạt, thưởng theo kết quả đầu ra; phân cấp, trao quyền chủ động cho cơ sở, người dân và cộng đồng; tăng cường sinh hoạt, đối thoại, phát huy cao dân chủ cơ sở; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tạo sự tin tưởng của người dân, cộng đồng và toàn xã hội.

(4). Ban Chỉ đạo nông thôn mới phải có đầy đủ các thành viên đại diện các tổ chức trong hệ thống chính trị; bộ máy tham mưu, giúp việc phải chuyên trách, chuyên nghiệp. Cán bộ làm nông thôn mới phải có năng lực, kinh nghiệm, phong cách làm việc tận tụy, hy sinh và luôn biết tìm tòi, sáng tạo; lấy kết quả đầu ra làm thước đo đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân, phân công, bố trí cán bộ.

(5). Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; định kỳ đánh giá, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, lệch lạc, kiên quyết thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn nếu để "rớt" chuẩn. Quan tâm đúng mức việc sơ, tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

Phần thứ hai

Đánh giá thực trạng xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030

I. Đánh giá thực trạng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; trên cơ sở đánh giá của Sở ngành theo chỉ tiêu, tiêu chí phụ trách đối với 60 xã, tổng hợp thực trạng theo từng tiêu chí, chỉ tiêu như sau:

1. Tiêu chí Quy hoạch

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền 02 cấp, Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức rà soát, định hướng lập mới và điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã phù hợp với đơn vị hành chính mới; đồng thời xác định các định hướng lớn về tổ chức không gian phát triển, cụ thể:

1.1. Chỉ tiêu có quy hoạch chung xã³² được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch:

- *Thực trạng:* Đến nay có 02/60 xã đã phê duyệt quy hoạch chung (Sơn Kim 1, Sơn Kim 2), đã thực hiện công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch giai đoạn 2026–2030. Còn lại 58/60 xã chưa hoàn thành các nội dung theo yêu cầu, hiện đang trong quá trình rà soát, lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch theo đơn vị hành chính sau sáp nhập.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Trên cơ sở 58/60 xã chưa hoàn thành quy hoạch chung, các xã cần khẩn trương lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch theo đơn vị hành chính mới, bảo đảm tích hợp đầy đủ định hướng phát triển không gian của tỉnh; phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định, phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, thực hiện công bố công khai và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch, gắn với quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng theo quy hoạch.

1.2. Chỉ tiêu có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới

³² Quy hoạch chung xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

- *Thực trạng*: Số xã đã lập quy hoạch chi tiết trung tâm xã: 02 xã Sơn Kim 1, Sơn Kim 2 đã lập quy hoạch chi tiết trung tâm xã; có quy hoạch điểm dân cư mới và thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch; 58/60 xã còn lại chưa đạt yêu cầu.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 58 xã còn lại khẩn trương rà soát nhu cầu phát triển không gian trung tâm và khu dân cư mới sau sáp nhập; tổ chức lập quy hoạch chi tiết bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và quỹ đất phát triển lâu dài. Sau khi phê duyệt, thực hiện công bố công khai và quản lý chặt chẽ hoạt động đầu tư, xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt, tránh tình trạng phát triển tự phát, manh mún.

1.3. Chỉ tiêu có quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tại trung tâm xã được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã

- *Thực trạng*: Số xã đã ban hành hoặc tích hợp quy chế quản lý kiến trúc: 02/60 xã; Số xã thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng thường xuyên: 02/60 xã. Còn lại 58/60 xã chưa đạt yêu cầu.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 58 xã cần xây dựng và ban hành quy chế quản lý kiến trúc hoặc tích hợp đầy đủ nội dung này trong quy hoạch chung xã sau sáp nhập, bảo đảm phù hợp đặc trưng văn hóa, cảnh quan và định hướng phát triển đô thị hóa; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

* Đến nay, đối với tiêu chí Quy hoạch có 02/60 xã đạt chuẩn (Sơn Kim 1, Sơn Kim 2), 58/60 xã chưa đạt.

2. Tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; trong đó hệ thống đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch, ít nhất 50% số km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp

- *Thực trạng*: Giai đoạn 2021–2025, hệ thống giao thông nông thôn tại các xã được quan tâm đầu tư khá đồng bộ; cơ bản bảo đảm kết nối liên xã, liên thôn và phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất của người dân. Rà soát đến nay, có 30/60 xã đạt tiêu chí giao thông; trong đó khoảng 30/60 xã đạt tỷ lệ đường trục xã được cứng hóa theo quy hoạch; 30/60 xã có $\geq 50\%$ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến; 30/60 xã cơ bản đảm bảo tiêu chí sáng – xanh – sạch – đẹp. Tuy nhiên, chất lượng và mức độ đồng bộ giữa các địa phương chưa đều; tỷ lệ đường đạt chuẩn theo quy hoạch mới đạt khoảng 70%; một số xã, nhất là khu vực miền núi và địa bàn mới sáp nhập còn hạn chế về nguồn lực duy tu, bảo trì, cứng hóa và chỉnh trang cảnh quan.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 30 xã chưa đạt tiêu chí cần tiếp tục đầu tư nâng cấp, cứng hóa các tuyến đường theo quy hoạch; tổ chức trồng bổ sung cây xanh dọc các tuyến đường; hoàn thiện hệ thống chiếu sáng, chỉnh trang cảnh quan môi trường, bảo đảm tiêu chí sáng – xanh – sạch – đẹp, từng bước hoàn thiện đồng bộ hệ thống giao thông nông thôn theo yêu cầu.

2.2. Chỉ tiêu Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động

- *Thực trạng*: Công tác bảo trì công trình thủy lợi hàng năm được các địa phương quan tâm thực hiện, nhất là trong công tác ra quân làm thủy lợi nội đồng, tu sửa các công trình bị hư hỏng, xuống cấp để bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn các xã cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu

nước chủ động cơ bản đạt trên 80% kế hoạch, đối với một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trước đây đạt trên 90% kế hoạch. Tuy nhiên, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư từ lâu, qua nhiều năm khai thác, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ nên đã bị hư hỏng, xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa kịp thời; diện tích áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn thấp; công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống tưới tiên tiến sau đầu tư chưa được quan tâm đúng mức; dự ước có 32/60 xã đạt chuẩn.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* 28/60 xã chưa đạt cần tiếp tục nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp; bố trí kinh phí bảo trì thường xuyên; kiên cố hóa kênh mương nội đồng; đầu tư đồng bộ hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất; đồng thời từng bước mở rộng diện tích áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước nhằm nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

2.3. Chỉ tiêu Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

- *Thực trạng:* Các xã thực hiện các nội dung công tác phòng chống thiên tai theo quy định: Có quyết định thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, thành lập Đội xung kích PCTT cấp xã; giao chỉ tiêu nhân lực, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cụ thể cho các thôn; hợp đồng nguyên tắc cung ứng vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm với các cá nhân trên địa bàn; có kế hoạch phòng, chống thiên tai, được cập nhật, bổ sung hàng năm; có các phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn. Các xã cũng đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức tới cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; dự ước có 32/60 xã đạt chuẩn.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* 28/60 xã chưa đạt chuẩn tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện phương án phòng, chống thiên tai sát với tình hình thực tế của từng địa phương; tăng cường đầu tư, bổ sung trang thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, diễn tập định kỳ cho lực lượng xung kích cấp xã, thôn; tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng chống thiên tai, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác phòng chống thiên tai các cấp

2.4. Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định

- *Thực trạng:* Hệ thống điện nông thôn trên địa bàn 60 xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sinh hoạt và sản xuất; 100% hộ dân được cấp điện từ lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn đạt 100%. Công tác kiểm tra, bảo trì lưới điện được thực hiện định kỳ; các tuyến chính đảm bảo ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu điện kéo dài. Tuy nhiên, tại một số thôn vùng xa, địa bàn mới sáp nhập, hệ thống lưới điện hạ thế còn xuống cấp cục bộ; phụ tải tăng nhanh vào mùa sản xuất cao điểm; tỷ lệ tổn thất điện năng ở một số khu vực còn cao. Đến nay, 60/60 xã (đạt 100%) có 100% hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy, ổn định; có hệ thống lưới điện được bảo trì, kiểm tra định kỳ hằng năm.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống điện trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai; đầu tư nâng cấp, cải tạo và kiên cố hóa lưới điện trung, hạ áp nhằm bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục. Tăng cường công tác quản lý vận hành, bảo trì hệ thống điện; khắc phục kịp thời các sự cố do mưa bão gây ra.

2.5. Chỉ tiêu Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- *Thực trạng:* Toàn tỉnh hiện có 151 chợ đang hoạt động, gồm 06 chợ hạng I; 06 chợ hạng II, 134 chợ hạng III và 5 chợ tạm; trong đó có 101 chợ do nhà nước đầu tư quản lý là tài sản kết cấu hạ tầng chợ. Thực hiện sắp xếp mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hiện nay các tài sản kết cấu hạ tầng chợ UBND cấp huyện đã thực hiện bàn giao về cho UBND cấp xã quản lý. Trên địa bàn các xã hiện chưa hình thành trung tâm thương mại và siêu thị, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân chủ yếu diễn ra tại các chợ truyền thống, cửa hàng bán lẻ, các chuỗi siêu thị và các điểm kinh doanh hộ gia đình. Đến nay, 60/60 xã (đạt 100%) có chợ nông thôn hoặc điểm kinh doanh thương mại đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân; 60/60 xã (đạt 100%) có cơ sở thương mại đảm bảo yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống chợ, điểm bán hàng, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn; đầu tư nâng cấp, cải tạo các chợ xuống cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm hoạt động kinh doanh thuận lợi, an toàn, văn minh. Khuyến khích phát triển các mô hình thương mại phù hợp với điều kiện nông thôn (cửa hàng tiện lợi, điểm bán hàng OCOP, thương mại điện tử...).

2.6. Chỉ tiêu Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư, vùng sản xuất

- *Thực trạng:* Hạ tầng viễn thông trên địa bàn các xã cơ bản được đầu tư đồng bộ; 100% khu dân cư có sóng di động; mạng internet cơ bản đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin, giao dịch điện tử, học tập và sản xuất. Tuy nhiên, chất lượng đường truyền tại một số vùng xa trung tâm chưa ổn định; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số, thanh toán điện tử còn chưa cao; hạ tầng số phục vụ quản lý dữ liệu sản xuất nông nghiệp chưa được đồng bộ hóa. Đến nay, 60/60 xã có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng 100% khu dân cư; 60/60 xã có Internet băng rộng cố định hoặc di động đến các vùng sản xuất tập trung.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Nâng cấp chất lượng đường truyền tại các khu vực tín hiệu yếu; mở rộng cáp quang đến các vùng sản xuất; tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng internet băng rộng; thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và dịch vụ công trực tuyến.

3. Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn

3.1. Chỉ tiêu Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người

- *Thực trạng:* Thu nhập của người dân nông thôn tăng ổn định qua các năm; giai đoạn 2021–2025 duy trì mức tăng trưởng khá, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,9%. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ, thương mại và ngành nghề nông thôn. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 tăng 6,5% so với năm 2024. Mức tăng bình quân từ 9,5-

12%/năm là tương đối khó. Đặc biệt sự tăng trưởng không đồng đều, khu vực nông thôn còn thấp, thiếu bền vững. Vì vậy, cần phải có giải pháp mạnh để đột phá nâng cao thu nhập. Số xã đạt mức thu nhập bằng hoặc cao hơn mức bình quân chung của tỉnh: 04/60 xã (gồm: Kim Hoa, Đức Minh, Can Lộc, Hương Phố).

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tại 56 xã có mức thu nhập thấp hơn so với yêu cầu, cần tập trung các giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế nông thôn: Phát triển các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động, thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ khác. Bên cạnh đó, chuyên đổi mô hình sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

3.2. *Chỉ tiêu Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm*

- *Thực trạng:* Việc phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực đã được quan tâm triển khai và đạt một số kết quả bước đầu. Trong trồng trọt, đã tích tụ khoảng 13.445 ha lúa, hình thành một số vùng sản xuất cam, bưởi, chè; diện tích đạt chứng nhận VietGAP 535 ha, 115,06 ha được chứng nhận hữu cơ (hiện còn 12 ha hiệu lực). Trong chăn nuôi, có 254 trang trại quy mô vừa và lớn; 22 cơ sở đạt tiêu chuẩn VietGAHP, GlobalGAP; 67 mô hình hữu cơ; các chuỗi liên kết tiếp tục được duy trì với 157 cơ sở chăn nuôi lợn và 47 cơ sở chăn nuôi gia cầm. Trong thủy sản, diện tích nuôi tôm đạt 2.250 ha, trong đó 1.438 ha nuôi tập trung; 584 ha có liên kết; 29 ha được chứng nhận VietGAP. Lĩnh vực lâm nghiệp từng bước chuyển sang sản xuất theo chuỗi giá trị, hiện có 17.660,21 ha rừng trồng được liên kết cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Tuy nhiên các vùng sản xuất liên kết sản xuất chưa ổn định, thiếu bền vững; chưa có khu sơ chế, chế biến đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; sản phẩm được truy xuất nguồn gốc chưa nhiều. Đến nay ước có 48/60 xã đạt chỉ tiêu “*Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm*”.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Đối với 12/60 xã chưa đạt, cần khẩn trương rà soát, quy hoạch và hình thành vùng nguyên liệu tập trung; mở rộng diện tích sản xuất được chứng nhận (VietGAP, hữu cơ) và tăng cường liên kết, ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Đồng thời triển khai chính sách phát triển thủy sản giai đoạn 2026–2030 (trọng tâm tôm nuôi), hỗ trợ hình thành chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ; phát triển các tổ chức sản xuất (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), ứng dụng khoa học công nghệ, thu hút đầu tư hạ tầng. Bên cạnh đó, tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác xã lâm nghiệp.

3.3. *Chỉ tiêu Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả*

- *Thực trạng:* Các địa phương đã bước đầu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất, lĩnh vực trồng trọt, diện tích nhà màng, nhà lưới đạt 196.776 m²/283 cơ sở, một số mô hình hoa, rau, dưa lưới công nghệ cao được triển khai, hệ thống tưới tiên tiến áp dụng trên 120,7 ha cây ăn quả; lĩnh vực

thủy sản, diện tích nuôi thâm canh, công nghệ cao đạt 584 ha; diện tích nuôi đạt VietGAP 33,3 ha/16 cơ sở tại 09 xã; lĩnh vực lâm nghiệp chủ yếu áp dụng cơ giới hóa trong khai thác, vận chuyển. Đối với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, toàn tỉnh có khoảng 600 ha sản xuất hữu cơ, trong đó 115,06 ha được chứng nhận (*hiện còn 12 ha hiệu lực*); có 67 mô hình chăn nuôi hữu cơ, một số mô hình kết hợp thủy sản - trồng trọt với diện tích 156,13 ha. Tuy nhiên các vùng sản xuất và mô hình còn thiếu ổn định, quy mô chưa lớn; việc ứng dụng công nghệ số (IoT, truy xuất nguồn gốc, phần mềm quản lý...) còn hạn chế; diện tích sản xuất hữu cơ được chứng nhận còn thấp; liên kết chuỗi giá trị chưa chặt chẽ. Dự ước đến nay có 35/60 xã đạt chỉ tiêu “*Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả*”.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 25 xã chưa đạt cần xây dựng, nhân rộng mô hình phù hợp; tập trung phát triển vùng sản xuất hữu cơ được chứng nhận; mở rộng ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn; tăng cường liên kết chuỗi và duy trì, nâng cao hiệu quả các mô hình hiện có.

3.4. *Chỉ tiêu Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương*

- *Thực trạng*: Chương trình OCOP được triển khai bài bản, nhiều sản phẩm nâng cao chất lượng, mẫu mã; tuy nhiên phân bố sản phẩm chưa đồng đều giữa các xã; công tác quảng bá, xúc tiến thương mại còn hạn chế. Toàn tỉnh có 410 sản phẩm OCOP, trong đó 268 sản phẩm còn hiệu lực; 57/60 xã có sản phẩm OCOP; còn 03 xã chưa có sản phẩm OCOP gồm: Kỳ Thượng, Kỳ Văn, Sơn Kim 1.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục duy trì, phát triển, nâng cao chất lượng đối với các sản phẩm đã đạt chuẩn OCOP; 03 xã chưa có sản phẩm OCOP cần xây dựng kế hoạch phát triển; nâng cấp sản phẩm đạt hạng sao cao hơn; tăng cường kết nối thị trường.

3.5. *Chỉ tiêu Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương*

- *Thực trạng*: Du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh bước đầu được quan tâm phát triển, gắn với khai thác các giá trị tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và sản xuất nông nghiệp, toàn tỉnh hiện có 17 khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận; nhiều địa phương triển khai mô hình du lịch cộng đồng; hoạt động du lịch gắn với di tích danh thắng, khai thác phát huy các giá trị di sản và phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, như: mô hình du lịch cộng đồng tại thôn Hoa Thị - Thọ Điền, xã Vũ Quang; mô hình du lịch cộng đồng theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại thôn Phú Lâm - Phú Gia, xã Hương Khê; một số mô hình du lịch cộng đồng thu hút được du khách đến tham quan, trải nghiệm, như: Mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa và cây trồng bản địa tại thôn Làng Chè, xã Sơn Kim 2; mô hình du lịch cộng đồng tại Thạch Hạ, phường Hà Huy Tập; điểm du lịch Đông Trà, xã Hương Đô; điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Nguyễn Du, xã Tiên Điền; điểm du lịch Đá bạc eco, xã Thạch Xuân... Tuy nhiên, hạ tầng phục vụ du lịch nông thôn còn thiếu đồng bộ; sản phẩm du lịch chưa phong phú, tính liên kết còn hạn chế; chất lượng dịch vụ và tính chuyên nghiệp chưa cao;

kỹ năng làm du lịch của người dân còn hạn chế, hoạt động quảng bá, xúc tiến chưa hiệu quả. *Đánh giá có 14 xã có mô hình du lịch cộng đồng (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.*

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở khai thác hiệu quả tài nguyên nông nghiệp, cảnh quan và giá trị văn hóa bản địa để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng; khuyến khích phát triển các mô hình farmstay, homestay gắn với làng nghề truyền thống, xây dựng các điểm du lịch nông thôn tiêu biểu theo hướng xanh, bền vững. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp lữ hành để xây dựng, quảng bá và tổ chức các tour du lịch trải nghiệm; phát triển các điểm check-in, không gian trải nghiệm gắn với du lịch cộng đồng; phát động phong trào “mỗi địa phương một sản phẩm du lịch mới” nhằm tạo thêm sản phẩm đặc sắc, nâng cao sức hấp dẫn điểm đến. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho người dân, đặc biệt là kỹ năng làm du lịch, kỹ năng phục vụ và ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm; gắn phát triển du lịch với bảo tồn tài nguyên, gìn giữ bản sắc văn hóa, góp phần tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng nông thôn.

3.6. Chỉ tiêu Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động được xếp loại khá, tốt theo quy định

- *Thực trạng:* Toàn tỉnh hiện có 896 HTX, trong đó 785 HTX đang hoạt động, 111 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể. Về xếp loại, có 389 HTX đạt loại khá, tốt (43,4%), 396 HTX trung bình, yếu kém (44,2%). Hiệu quả hoạt động của HTX từng bước được cải thiện, với doanh thu bình quân đạt khoảng 1,5 tỷ đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 250 triệu đồng/HTX (tăng 170 triệu đồng so với năm 2020), thu nhập lao động đạt khoảng 5 triệu đồng/người/tháng; 60/60 xã đạt yêu cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ HTX khá, tốt còn thấp; số HTX trung bình, yếu kém và ngừng hoạt động còn lớn, cho thấy chất lượng hoạt động chưa đồng đều, tính bền vững chưa cao.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tập trung nâng cao chất lượng 396 HTX trung bình, yếu kém; đồng thời rà soát, xử lý 111 HTX ngừng hoạt động (giải thể hoặc củng cố phục hồi). Tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận vốn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và liên kết thị trường.

3.7. Chỉ tiêu Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

- *Thực trạng:* Tổ Khuyến nông cộng đồng của một số xã đã bước đầu phát huy vai trò trong việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở cơ sở, góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật đến với người dân. Tuy nhiên, từ ngày 1/7/2025, sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, một số xã sau sáp nhập nên chưa kiện toàn lại tổ khuyến nông cộng đồng, hoạt động chưa đồng đều, tính bền vững chưa cao; hiện 40/60 xã có tổ khuyến nông hoạt động hiệu quả.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Còn 20/60 xã chưa đạt cần khẩn trương kiện toàn Tổ Khuyến nông cộng đồng; bổ sung thành viên có năng lực, tăng cường tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, gắn trách nhiệm với chỉ tiêu nông nghiệp, nông thôn mới và tăng cường liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định

- *Thực trạng*: Tỷ lệ hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp đạt trên 30% tổng số hộ nông dân. Phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” được triển khai rộng khắp, nhiều hộ mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết tiêu thụ sản phẩm; xuất hiện ngày càng nhiều mô hình kinh tế có thu nhập cao, tạo việc làm cho lao động tại chỗ. Tuy nhiên, số hộ đạt danh hiệu ở mức cao (cấp tỉnh, Trung ương) còn hạn chế; quy mô sản xuất của đa số hộ vẫn nhỏ lẻ; tính liên kết theo chuỗi giá trị chưa bền vững.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Khuyến khích mở rộng quy mô, hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã; hỗ trợ tiếp cận vốn, khoa học kỹ thuật và thị trường tiêu thụ.

3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương

- *Thực trạng*: Hiện nay 60/60 xã có doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể hoạt động ổn định trên địa bàn; số xã có số lượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tăng hằng năm: khoảng 60/60 xã. Kinh tế tư nhân phát triển khá đa dạng với các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất – dịch vụ; góp phần tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Tuy nhiên, quy mô doanh nghiệp còn nhỏ; năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ và khả năng cạnh tranh còn hạn chế; liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân chưa chặt chẽ.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục nâng cao chất lượng phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn; tập trung hỗ trợ mở rộng quy mô, nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng khoa học công nghệ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Đồng thời cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp nông thôn; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với vùng nguyên liệu, hợp tác xã và người dân nhằm tạo thêm việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho lao động địa phương.

3.10. Chỉ tiêu Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp, hoặc làng nghề được công nhận, hoặc khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn theo quy hoạch được đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ

- *Thực trạng*:

+ Về Khu công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh, có 3 xã có Khu công nghiệp trên địa bàn (Xã Nghi Xuân: KCN Gia Lách, KCN Gia Lách mở rộng; xã Việt Xuyên: KCN VSIP Thạch Hà; xã Sơn Kim 1: KCN Đại Kim). Thời gian tới, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư đối với các KCN đã được quy hoạch tại các xã: KCN Phía Tây TP Hà Tĩnh tại xã Toàn Lưu, KCN Hạ Vàng tại xã Can Lộc (hiện các KCN này đã có NĐT đề xuất, nghiên cứu đầu tư); tiếp tục nghiên cứu, bổ sung quy hoạch các KCN trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

+ Về cụm công nghiệp (CCN): Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022, theo đó đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 45 cụm công nghiệp (CCN) tổng diện tích 1.891,83ha, sau năm 2030 mở rộng lên 2.241,83ha. Đến nay, toàn tỉnh đã có 24 CCN được thành lập với tổng diện tích khoảng 654,8 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp có

thê cho thuê khoảng 376,83 ha; có khoảng 378 cơ sở/dự án đăng ký vào cụm, khoảng 286 cơ sở/dự án đã và đang hoạt động, đạt tỷ lệ lấp đầy trung bình 60,04%, tổng vốn đăng ký hơn 12.000 tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 9.250 lao động. Về điều chỉnh phương án phát triển CCN trong Quy hoạch tỉnh, trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, phường, Sở Công Thương đã tổ chức khảo sát thực tế và làm việc với các xã, phường, thống nhất, đề xuất bổ sung 12 CCN và điều chỉnh diện tích 03 CCN hiện có; nâng tổng số CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 lên 57 CCN với tổng diện tích khoảng 2.509,44ha, sau năm 2030 mở rộng lên 2.929,44ha. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Hà Tĩnh có 30/60 xã có quy hoạch CCN và 30/60 xã chưa có quy hoạch CCN.

+ Về làng nghề: Trên địa bàn tỉnh có 9 xã³³ có làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận, đang hoạt động tốt và không thuộc diện đang xem xét thu hồi quyết định công nhận. Đây là những nghề không chỉ đơn thuần là tạo ra những vật dụng phục vụ đời sống mà còn chứa đựng các giá trị văn hóa, thẩm mỹ, phong tục tập quán và tâm linh của người dân địa phương. Nhiều ngành nghề truyền thống như mộc Thái Yên, bánh đa nem thôn Bình, chế tác trầm hương xã Phúc Trạch... tiếp tục được duy trì và mở rộng sản xuất, tạo việc làm thường xuyên cho lao động nông thôn, cải thiện đời sống cho người dân ở nhiều địa phương.

- Khối lượng còn lại cần thực hiện:

+ Tập trung triển khai tại các địa bàn đã được quy hoạch khu công nghiệp; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư đối với các KCN Phía Tây TP Hà Tĩnh (xã Toàn Lưu) và KCN Hạ Vàng (xã Can Lộc); đồng thời tiếp tục rà soát, nghiên cứu, bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp phù hợp trong giai đoạn 2026–2030. Tập trung thực hiện hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục để lựa chọn nhà đầu tư đối với các KCN đã được quy hoạch; đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai đầu tư xây dựng (quy hoạch chi tiết, giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật), song song với việc tiếp tục nghiên cứu, bổ sung quy hoạch KCN giai đoạn 2026–2030 và tăng cường thu hút, quản lý đầu tư nhằm sớm đưa các KCN vào hoạt động hiệu quả, đúng định hướng phát triển của tỉnh.

+ Về cụm công nghiệp: Tham mưu đề xuất UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh Phương án phát triển CCN trong Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý cụm công nghiệp thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

+ Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của 09 xã có làng nghề; đồng thời tập trung bảo tồn, khôi phục các làng nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền. Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm đang hoạt động trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung, tăng cường quản lý vệ sinh môi trường tại các làng nghề. Tăng cường xây dựng thương hiệu, tham gia chương trình OCOP, hội chợ xúc tiến thương mại và mở

³³ Bao gồm: Thạch Hà, Mai Phụ, Đông Kinh, Phúc Trạch, Toàn Lưu, Đức Thịnh, Gia Hanh, Hồng Lộc, Việt Xuyên

rộng hệ thống phân phối để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và cảnh quan sinh thái đặc trưng.

4. Tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn

4.1. Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

- *Thực trạng:* Công tác đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai đồng bộ, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp từng bước được củng cố; trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp – dịch vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo giữa các vùng còn chênh lệch; nội dung, chương trình đào tạo ở một số lĩnh vực còn chậm đổi mới, chưa gắn chặt với nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành công nghiệp, công nghệ và dịch vụ hiện đại; tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao, kỹ năng quản lý, kỹ năng số và khả năng thích ứng với môi trường sản xuất hiện đại vẫn còn rõ nét; liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động còn hạn chế. Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 36%; 60/60 xã đạt mức theo yêu cầu tiêu chí.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Chú trọng đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động, nhất là lao động trẻ, lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ. Riêng đối với khu vực nông thôn và lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, tập trung triển khai các chương trình đào tạo nghề gắn với tái cơ cấu ngành, phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; tăng cường đào tạo nghề ngắn hạn, cấp chứng chỉ cho lao động, hỗ trợ chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng sản xuất, ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề; nâng cấp cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; phát triển hệ thống thông tin, dự báo thị trường lao động để định hướng đào tạo phù hợp. Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 50%, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.2. Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn nghề phi nông nghiệp:

- *Thực trạng:* Các lớp đào tạo nghề ngắn hạn được duy trì hằng năm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, ngành nghề đào tạo chưa thật sự đa dạng; một bộ phận lao động sau đào tạo chưa có việc làm ổn định. Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn nghề phi nông nghiệp đạt khoảng 55%.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường, góp phần nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề phi nông nghiệp lên $\geq 65\%$.

5. Tiêu chí Văn hóa, giáo dục, y tế

5.1. Chỉ tiêu xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa

- *Thực trạng:* Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”

tiếp tục được duy trì; hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của người dân; 1.253/1.512 thôn đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu (82,8%). Đến nay, 60/60 xã cơ bản đảm bảo đạt tiêu chí phát triển văn hóa theo quy định. Tuy nhiên, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương còn những hạn chế nhất định. Nhiều công trình nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn có quy mô nhỏ, trang thiết bị chưa đồng bộ, các khu chức năng còn đơn giản; sân thể thao một số nơi chưa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có công trình bị ảnh hưởng ngập nước vào mùa mưa nên hiệu quả sử dụng chưa cao. Hệ thống đài truyền thanh xã chưa đồng bộ, chưa được hiện đại hóa theo xu hướng chuyển đổi số. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, một số thiết chế văn hóa chưa phù hợp về vị trí, gây khó khăn trong quản lý và khai thác. Bên cạnh đó, tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đã làm một số công trình bị xuống cấp, hư hỏng; công tác duy tu, bảo dưỡng ở một số nơi còn gặp khó khăn, chưa kịp thời.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, truyền thanh phù hợp với đơn vị hành chính sau sáp nhập; đồng thời đầu tư nâng cấp, mở rộng các công trình theo hướng đồng bộ về quy mô, bổ sung trang thiết bị, hoàn thiện các khu chức năng và khắc phục tình trạng xuống cấp, ngập úng. Bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, kịp thời. Cùng với đó, đổi mới phương thức tổ chức, đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, đẩy mạnh bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn

5.2. Chỉ tiêu xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục

- *Thực trạng*: Số xã đạt tiêu chí giáo dục theo quy định 30/600 xã. Mạng lưới trường lớp được củng cố; tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt cao; cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục giữa các vùng còn chênh lệch; điều kiện dạy học tại một số điểm trường lẻ còn khó khăn.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng dạy và học; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy cho 30/60 xã còn lại.

5.3. Chỉ tiêu xã đạt tiêu chí về phát triển y tế

- *Thực trạng*: Các xã sau sáp nhập cơ bản duy trì đạt tiêu chí quốc gia về y tế; trạm y tế cơ bản đảm bảo cơ sở vật chất, nhân lực; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt cao; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu được duy trì. Tuy nhiên, trong quá trình sắp xếp tổ chức, một số trạm y tế cần tiếp tục được đầu tư bổ sung trang thiết bị, nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu theo mô hình mới. Hiện có 60/60 xã đạt tiêu chí y tế theo quy định.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ y tế cơ sở; hoàn thiện và mở rộng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí tại 60/60 xã.

5.4. *Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội*:

- *Thực trạng:* Hiện có 0/60 xã có trạm y tế hoàn thiện đầy đủ theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; 60/60 xã đang trong quá trình hoàn thiện. Các trạm y tế đã được thành lập và tổ chức theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã; cơ bản thực hiện các nhiệm vụ phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh thông thường và các chương trình y tế. Tuy nhiên, hiện các trạm đang trong quá trình hoàn thiện tổ chức bộ máy, trình thẩm định cấp phép hoạt động cho trạm chính và các điểm trạm; cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực chuyên môn chưa đồng bộ.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* 60/60 xã cần hoàn thiện tổ chức bộ máy; thực hiện thẩm định, cấp phép hoạt động theo quy định; đồng thời tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ và hoàn thiện hệ thống quản lý để bảo đảm cung ứng đầy đủ dịch vụ y tế cơ bản, thiết yếu.

6. Tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội

6.1. Chỉ tiêu Tỷ lệ nghèo đa chiều

- *Thực trạng:* Tỷ lệ nghèo giảm mạnh so với đầu kỳ; chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, nguy cơ tái nghèo còn tiềm ẩn tại một số địa bàn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh còn 2,11%, giảm 2,57% so với năm 2021; 54/60 xã đạt tiêu chí (*theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025*).

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương; tăng tỷ lệ người yếu thế, khuyết tật, sống đơn thân... có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tại các địa phương; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường phân đấu 06/60 xã còn lại đạt yêu cầu chỉ tiêu.

6.2. Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố:

- *Thực trạng:* Hiện nay 60/60 xã có tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đều đạt trên 75%.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục hỗ trợ kiên cố hóa các hộ còn lại, đồng thời nâng cấp, cải tạo các nhà đã xuống cấp.

6.3. Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn

- *Thực trạng:* Toàn tỉnh có 29 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động, có 14 hệ thống đầu nối với công trình cấp nước sạch đô thị và trên 234.000 công trình cấp nước nhỏ lẻ (giếng khoan, giếng đào, thiết bị lọc nước). Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch từ công trình tập trung đạt khoảng 32.3%, tăng đáng kể so với năm 2020. Dự kiến đến cuối năm 2026, sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm 17 dự án được phân bổ tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh, tăng tỷ lệ người dân được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung lên 38,58%. Ngoài ra, trong những năm qua, thực hiện chính sách theo Nghị Quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 và kêu gọi hỗ trợ xã hội hóa, tại các địa phương trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ cho 1.182 hộ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình (máy lọc nước) đối với những vùng khó khăn, không thể quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tập trung góp phần cải thiện chất lượng nước và nâng cao tỷ

lệ sử dụng nước sạch; dự ước có 24/60 xã đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tập trung nâng cấp, sửa chữa và phát huy hiệu quả 29 công trình cấp nước tập trung hiện có; đồng thời triển khai, hoàn thành 17 dự án cấp nước theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND để nâng tỷ lệ người dân sử dụng nước từ công trình tập trung lên khoảng 38,58% vào năm 2026 và phấn đấu đạt 65% vào năm 2030. Đây mạnh xã hội hóa đầu tư cấp nước nông thôn; mở rộng mạng lưới đầu nối, tăng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống tập trung. Đồng thời tiếp tục hỗ trợ các hộ dân vùng khó khăn lắp đặt thiết bị xử lý nước đạt quy chuẩn; giảm thất thoát nước, nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành các công trình cấp nước trên địa bàn.

6.4. Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 có, 3 sạch, 3 an”

- *Thực trạng:* Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch” trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 82,3%; có 60/60 xã đạt yêu cầu tiêu chí theo quy định. Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” giai đoạn 2021-2025 được các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân; cải thiện cảnh quan môi trường nông thôn; nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, văn minh

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của hội viên phụ nữ và người dân về nội dung, ý nghĩa của các tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”; tập trung hỗ trợ các hộ đạt các tiêu chí theo hướng bền vững. Phấn đấu nâng tỷ lệ hộ đạt chuẩn toàn tỉnh đạt từ 80% trở lên

6.5. Chỉ tiêu Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- *Thực trạng:* Công tác bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới được quan tâm; nâng cao vị thế của phụ nữ và tạo môi trường tích cực hơn cho phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới; tuy nhiên, bạo lực giới vẫn là một vấn đề nghiêm trọng mà phần lớn còn diễn ra âm thầm, nhận thức tại một số khu vực còn hạn chế; đến nay, có 60/60 xã đạt yêu cầu chỉ tiêu “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.”

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới bằng nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, tăng cường trách nhiệm của các cấp, ngành trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi bạo lực trên cơ sở giới. Tăng cường hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, như tư vấn, trợ giúp pháp lý, y tế, tâm lý và nơi tạm lánh; xây dựng, nhân rộng các mô hình phòng ngừa bạo lực tại cộng đồng. Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ, trong giám sát, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em; tăng tỷ lệ trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn được nhận đỡ đầu, hỗ trợ tại các địa phương.

6.6. Chỉ tiêu Phòng chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp

trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)

- *Thực trạng:* Số xã đạt yêu cầu tiêu chí: 60/60 xã. Công tác bảo vệ trẻ em được quan tâm; các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp kịp thời. Tuy nhiên nguy cơ xâm hại trẻ em vẫn tiềm ẩn.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tăng cường giám sát cộng đồng; nâng cao năng lực cán bộ phụ trách công tác trẻ em.

6.7. Chỉ tiêu Đảm bảo an toàn thực phẩm

- *Thực trạng:* Hiện nay, tỉnh Hà Tĩnh có 47.011 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (gọi chung là cơ sở thực phẩm). Trong đó: ngành Y tế quản lý 7.873 cơ sở (kinh doanh thực phẩm chức năng trong nhà thuốc và quầy thuốc: 1.382 cơ sở; dịch vụ ăn uống: 6.355 cơ sở; sản xuất, kinh doanh khác: 136 cơ sở), ngành Công Thương quản lý 9.028 cơ sở, ngành Nông nghiệp 30.110 cơ sở. Tuy nhiên tại thời điểm đánh giá chưa có kết quả thống kê cập nhật đầy đủ của các ngành, địa phương về tỷ lệ cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Do đó, số liệu ước thực trạng mới chỉ căn cứ số liệu của ngành Nông nghiệp: đến nay ước có 9/60 xã đạt và 51/60 xã chưa đạt yêu cầu.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Hiện còn 51/60 xã chưa đạt cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm; hoàn thiện công tác thống kê, cập nhật dữ liệu quản lý; nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong kiểm soát chất lượng thực phẩm, phấn đấu nâng tỷ lệ xã đạt tiêu chí trong thời gian tới.

* *Đến nay, đối với tiêu chí Giảm nghèo và An sinh xã hội có .../60 xã đạt chuẩn, còn .../60 xã chưa đạt*

7. Tiêu chí Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số

7.1. Chỉ tiêu Điểm bưu chính cơ bản phục vụ cộng đồng hỗ trợ hiệu quả dịch vụ số, chính quyền số tại địa bàn

- *Thực trạng:* Điểm bưu chính duy trì hoạt động; hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến; tuy nhiên hiệu quả khai thác dịch vụ số chưa cao; hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ chưa có cơ sở để đánh giá đầy đủ mức độ đáp ứng tiêu chí do chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các điểm bưu chính; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh khai thác hiệu quả các nền tảng số tại điểm phục vụ.

7.2. Chỉ tiêu Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường

- *Thực trạng:* Việc cập nhật, quản lý dữ liệu điện tử được triển khai; tuy nhiên chưa đồng bộ giữa các xã.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Căn cứ văn bản hướng dẫn của Trung ương, các địa phương tập trung cập nhật, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và môi trường bảo đảm theo quy định.

7.3. Chỉ tiêu Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử

- *Thực trạng*: Các hoạt động ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh tại khu vực nông thôn ngày càng được quan tâm, các hoạt động đa dạng về hình thức như: hỗ trợ các gian hàng trên sàn thương mại điện tử Shopee, Tiktok shop,...; hướng dẫn các hộ kinh doanh, hộ tiểu thương và tổ chức, doanh nghiệp về kỹ năng livestream, bán hàng trên các sàn thương mại điện tử; tổ chức Triển lãm trực tuyến sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP tại địa chỉ: <https://hatinh.fairs.vn>. Các sự kiện xúc tiến thương mại và ứng dụng thương mại điện tử đã góp phần phát triển bền vững các kênh tiêu thụ hàng hóa của tỉnh và nhận được sự quan tâm của đông đảo nhân dân và hưởng ứng của cơ sở sản xuất. Đến nay, nhiều cơ sở có sản phẩm doanh thu tăng tăng hơn 40% so với trước năm 2021; một số sản phẩm nông sản, thủy sản chế biến đã xuất khẩu sang thị trường nước ngoài (như Bánh đa vùng Nguyên Lâm, sứa Mai Dung, bánh ram Anh Thu, bánh đa nem Nam Chi, nước mắm Luận Nghiệp...) và tiêu thụ trong hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại có uy tín trong nước (siêu thị Co.op Mart, Vinmart, Big C, chuỗi thực phẩm sạch...). Tuy nhiên, kỹ năng số của người dân ở một số vùng còn hạn chế; quy mô dịch vụ còn nhỏ lẻ, chủ yếu tập trung vào khâu vận chuyển, chưa hình thành chuỗi logistics đồng bộ từ thu gom, bảo quản, sơ chế, đóng gói đến phân phối sản phẩm. Hệ thống kho bãi, kho lạnh, trung tâm logistics phục vụ nông sản còn thiếu..

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, quảng bá sản phẩm nông thôn, sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nông thôn tham gia các sàn thương mại điện tử, xây dựng gian hàng số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại nông thôn.

7.4. Chỉ tiêu Có mô hình thôn thông minh:

- *Thực trạng*: Hiện nay, có khoảng 86% số thôn có hạ tầng, điều kiện sẵn thực hiện mô hình thôn thông minh trong giai đoạn mới (có 14% thôn chưa có Wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn). Hiện nay, theo dự thảo hướng dẫn Mô hình thôn thông minh của Bộ Khoa học và Công nghệ, qua rà soát trên địa bàn tỉnh chưa có thôn nào đạt tiêu chí trên.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, chuẩn hóa tiêu chí thôn thông minh phù hợp điều kiện địa phương; tổ chức tham quan, học tập các mô hình thôn thông minh hiệu quả đã triển khai ở các thành phố, tỉnh bạn để bổ sung, chỉnh sửa tiêu chí và chỉ đạo các xã triển khai thực hiện có hiệu quả.

8. Tiêu chí môi trường và cảnh quan nông thôn

8.1. *Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh*

- *Thực trạng*: Đến nay, 60/60 xã đã hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH với mạng lưới HTX, tổ đội và doanh nghiệp tham gia tương đối đồng bộ. Tỷ lệ thu gom CTRSH đạt khoảng 95,9%, tỷ lệ xử lý đúng quy định đạt khoảng 95%; 100% xã đạt yêu cầu thu gom, xử lý $\geq 80\%$. Tuy nhiên, hạ

tầng trung chuyên còn thiếu đồng bộ; một số điểm tập kết chưa được đầu tư; vẫn còn tình trạng xử lý chưa đúng quy định; còn 8/60 xã chưa đạt yêu cầu về tỷ lệ chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$, việc phân loại rác tại nguồn và tái chế, tái sử dụng còn hạn chế.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Tập trung 08/60 xã giảm tỷ lệ chôn lấp trực tiếp xuống $\leq 50\%$ thông qua đẩy mạnh phân loại rác tại nguồn, tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng và chuyển đổi công nghệ xử lý theo hướng hiện đại, giảm chôn lấp. Đồng thời, 60/60 xã cần hoàn thiện, ban hành kế hoạch/đề án thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; đầu tư, nâng cấp các điểm trung chuyển; tăng cường kiểm soát việc thu gom, xử lý đúng quy định và hoàn thiện hồ sơ tiêu chí theo Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT.

8.2. *Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón*

- *Thực trạng:* Các địa phương đã triển khai các mô hình xử lý như hầm biogas, ủ phân hữu cơ, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, thức ăn chăn nuôi... góp phần giảm ô nhiễm và nâng cao hiệu quả kinh tế. Hàng năm phát sinh khoảng 900.000 tấn phụ phẩm nông nghiệp và hơn 950.000 tấn chất thải chăn nuôi, phần lớn đã được thu gom, tái sử dụng dưới nhiều hình thức. Tuy nhiên việc triển khai còn phân tán; nhiều hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa đầu tư hệ thống xử lý đạt chuẩn; công tác thu gom, tái chế chưa đồng bộ, thiếu mô hình quy mô lớn để nhân rộng. Đến nay số xã đạt tỷ lệ xử lý, tái chế theo yêu cầu tiêu chí: 6/60 xã.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* 54/60 xã tiếp tục nhân rộng các mô hình xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô phù hợp; hỗ trợ hộ chăn nuôi đầu tư hệ thống xử lý đạt chuẩn. Đẩy mạnh phân loại, thu gom, tái sử dụng chất thải; tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao tỷ lệ xử lý, tái chế hiệu quả, bền vững.

8.3. *Chỉ tiêu Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (tách biệt các cơ sở sản xuất lớn khỏi khu dân cư)*

- *Thực trạng:* Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cơ bản phù hợp quy hoạch và được kiểm tra, giám sát môi trường định kỳ; tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở nhỏ lẻ hạn chế trong đầu tư hệ thống xử lý chất thải và việc tách biệt với khu dân cư chưa triệt để. - *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Các xã tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch các cơ sở sản xuất chưa phù hợp; yêu cầu khắc phục triệt để các tồn tại về môi trường; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có). Đồng thời hỗ trợ các cơ sở nâng cấp, hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và duy trì bền vững tiêu chí theo quy định.

8.4. *Chỉ tiêu Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu, cụm, điểm dân cư, hộ gia đình trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường*

- *Thực trạng:* Các địa phương đã quan tâm đầu tư hệ thống rãnh thoát nước khu dân cư; tuyên truyền, vận động hộ gia đình xây dựng công trình xử lý nước thải hợp vệ sinh, từng bước cải thiện môi trường sinh hoạt. Tuy nhiên, hệ thống xử

lý nước thải tập trung còn hạn chế; việc thu gom, xử lý chủ yếu phân tán; một số khu dân cư chưa có phương án đồng bộ. Đến nay, có 21/60 xã có phương án và tổ chức thực hiện đạt yêu cầu; 39/60 xã chưa đạt.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* 39/60 xã cần khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và triển khai phương án thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; nâng tỷ lệ hộ gia đình có công trình xử lý nước thải hợp vệ sinh; đồng thời tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, bảo đảm thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

8.5. Chỉ tiêu Cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn thành điểm sinh hoạt cộng đồng; có mô hình khu dân cư sinh thái, hoặc làng nghề sinh thái, hoặc mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường

- *Thực trạng:* Công tác chỉnh trang khu dân cư, trồng cây xanh, cải tạo vườn hộ, ao hồ và xây dựng các tuyến đường xanh – sạch – đẹp được triển khai rộng rãi; nhiều địa phương hình thành khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo nông thôn. Tuy nhiên, đổi chiều yêu cầu tiêu chí mới, việc xây dựng các mô hình sinh thái, cải tạo ao hồ, kênh mương thành không gian sinh hoạt cộng đồng và mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường còn hạn chế, chưa đồng đều. - *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* .../60 xã cần tiếp tục duy trì vệ sinh môi trường thường xuyên; đồng thời xây dựng, nhân rộng các mô hình cảnh quan xanh – sạch – đẹp, khu dân cư sinh thái; cải tạo ao hồ, kênh mương thành điểm sinh hoạt cộng đồng; phát triển các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; thực hiện phân loại, thu gom, xử lý rác thải; hoàn thiện nội dung, khối lượng và hồ sơ tiêu chí theo quy định để đảm bảo đạt và duy trì bền vững tiêu chí.

9. Tiêu chí Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công

9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- *Thực trạng:* Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, kiện toàn theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới được duy trì thường xuyên; Mặt trận và các đoàn thể phát huy vai trò giám sát, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các phong trào thi đua. Tuy nhiên, tại một số địa bàn mới sáp nhập, năng lực điều hành, phối hợp thực hiện nhiệm vụ còn cần tiếp tục hoàn thiện.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện:* Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; tăng cường kiểm tra, giám sát, khắc phục những hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo 100% tổ chức trong hệ thống chính trị đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$

- *Thực trạng:* Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã được duy trì hoạt động ổn định; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cơ bản đúng hạn; từng bước tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại một số xã chưa đạt yêu cầu; kỹ năng số của người dân còn hạn chế; hạ tầng

công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Số xã có Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả: 60/60 xã. Số xã đạt tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình $\geq 90\%$: 60/60 xã.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Nâng tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$ theo quy định; tăng cường hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực cán bộ phụ trách.

10. Tiêu chí Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng

10.1. Chỉ tiêu Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- *Thực trạng*: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai thường xuyên; hoạt động hòa giải ở cơ sở được duy trì; người dân cơ bản chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, tại một số địa bàn, công tác cập nhật, tự đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật chưa thực sự chủ động.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; củng cố hoạt động hòa giải cơ sở; hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đảm bảo duy trì đạt chuẩn theo quy định.

10.2. Chỉ tiêu An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả

- *Thực trạng*: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì, lực lượng bảo vệ an ninh cơ sở được củng cố. Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tội phạm, nhất là tại khu vực đông dân cư, giáp ranh. Đến nay có 44/60 xã đạt, 16/60 xã chưa đạt.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 16/60 xã cần tập trung củng cố lực lượng bảo vệ an ninh cơ sở; tăng cường tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa tội phạm; nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm giữ vững ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn.

10.3. Chỉ tiêu Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã

- *Thực trạng*: Một số địa phương đã triển khai hệ thống camera giám sát, hỗ trợ hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự. Tuy nhiên, việc lắp đặt chưa đồng bộ, khả năng kết nối, khai thác dữ liệu còn hạn chế. Hiện có 0/60 xã đạt, 60/60 xã chưa đạt.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: 60/60 xã cần rà soát, đầu tư, lắp đặt hệ thống camera AI tại các tuyến, khu vực trọng điểm; đảm bảo kết nối, quản lý tập trung và khai thác hiệu quả phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm

10.4. Chỉ tiêu Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng

- *Thực trạng*: Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng đủ số lượng, cơ bản đảm bảo chất lượng; công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tuyển quân được thực hiện nghiêm túc; hoàn thành các chỉ tiêu giao quân hằng năm. Tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện tại một số xã còn hạn chế. 100% hoàn thành chỉ tiêu quân sự, quốc phòng hằng năm theo quy định, đến nay 60/60 xã đạt chuẩn.

- *Khối lượng còn lại cần thực hiện*: Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng

lực lượng dân quân; đảm bảo đầy đủ trang bị, cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện; duy trì hoàn thành 100% chỉ tiêu quân sự, quốc phòng theo quy định.

*** Qua kết quả rà soát, đánh giá thực trạng mức độ đạt chuẩn đối với xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2026-2030 của các sở ngành, một số nội dung, tiêu chí khó, như:** Giảm nghèo và An sinh xã hội (*Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn*); Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số (*mô hình thôn thông minh*); Phát triển kinh tế nông thôn (*Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả; Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người*); Môi trường và cảnh quan nông thôn (*Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường*); Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng (*Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã*)...

II. Đánh giá thực trạng xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030

Trên cơ sở Khung định hướng và hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương, hiện nay các sở ngành đang nghiên cứu, đề xuất Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn NTM hiện đại thực hiện trên địa bàn tỉnh. Sau khi UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM hiện đại và các sở, ngành ban hành hướng dẫn thực hiện, sẽ tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và địa phương tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng và mức độ đạt chuẩn.

Phần thứ ba

Quan điểm, định hướng, mục tiêu và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030

I. Bối cảnh

1. Thuận lợi:

- Các Nghị quyết và chiến lược lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi số và giảm nghèo bền vững tiếp tục được cụ thể hóa, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho triển khai NTM giai đoạn 2026-2030; tỉnh tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, nên luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo xuyên suốt, thống nhất từ tỉnh đến xã với quyết tâm cao, cách làm sáng tạo, phù hợp thực tiễn địa phương. Cùng với tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ giai đoạn mới thiết thực, hiệu quả.

- Giai đoạn 2021-2025, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực và có nhiều kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới, nhận thức, ý thức của người dân được nâng cao; là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng nông thôn mới.

2. Khó khăn

- Hà Tĩnh là địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lũ, gây thiệt hại lớn đến sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nhất là kết cấu hạ tầng, ảnh hưởng đến tính ổn định và bền vững trong xây dựng nông thôn mới.

- Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 với một số chỉ tiêu, yêu cầu cao hơn giai đoạn trước, cần thời gian và nguồn lực để thực hiện, như: Yêu cầu nâng cao năng lực quản lý, ứng dụng công nghệ số ở mức cao; gắn kết mục tiêu môi trường và cảnh quan vào tiêu chí chất lượng nông thôn mới; tăng mức yêu cầu về hạ tầng và dịch vụ xã hội.

- Quy mô xã sau sáp nhập lớn, địa bàn rộng, điều kiện hạ tầng giữa các đơn vị sáp nhập không đồng đều, gây khó khăn trong việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhất là các tiêu chí về giao thông, trường học, nhà văn hóa và môi trường.

- Một số xã còn thiếu cán bộ hoặc cán bộ mới được phân công chưa quen với lĩnh vực nông thôn mới, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách, dẫn đến công tác tham mưu và tổ chức thực hiện Chương trình ở một số nơi còn hạn chế.

II. Quan điểm, mục tiêu chung, định hướng

1. Quan điểm

Tiếp tục xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; triển khai đồng bộ, liên tục, hướng tới hiệu quả, thực chất và bền vững. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, huy động sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, HTX và cộng đồng xã hội tham gia xây dựng NTM. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động nguồn lực, bảo đảm đầy đủ, kịp thời, ưu tiên ngân sách tỉnh đầu tư trực tiếp cho xây dựng NTM. Xây dựng nông thôn Hà Tĩnh phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; kinh tế nông thôn phát triển bền vững; môi trường và cảnh quan nông thôn được bảo vệ; đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống

2. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tập trung xây dựng nông thôn mới cấp thôn bản. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân khu vực nông thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân như: hạ tầng nước sạch tập trung, hạ tầng giao thông nông thôn, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số...; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp; quốc phòng, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

3. Định hướng

- Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số trong nông nghiệp; qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung; giao thông nông thôn gắn với cơ chế hỗ trợ của tỉnh; hạ tầng phục vụ chuyển đổi số;...

- Tiếp tục kế thừa, phát huy kết quả xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp, phù hợp với quy định giai đoạn mới và tình hình thực tiễn các địa phương.

- Phát huy giá trị văn hóa và con người Hà Tĩnh trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng trong xây dựng nông thôn mới bền vững. Gắn xây dựng NTM với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, củng cố niềm tin và sự tham gia chủ động của người dân.

III. Mục tiêu đến năm 2030

So với Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030, Hà Tĩnh có một số chỉ tiêu, tiêu chí khó³⁴; bên cạnh đó, hạ tầng một số xã đã xuống cấp cần thời gian và nguồn lực để củng cố, nâng cấp; nguồn thu ngân sách của các xã còn khó khăn... Vì vậy, Hà Tĩnh xác định mục tiêu xây dựng NTM đến năm 2030 theo hướng phải phù hợp định hướng quốc gia về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và ở mặt bằng trung bình chung của cả nước³⁵; đây cũng là cơ sở tạo nền tảng phát triển dài hạn cho tỉnh sau năm 2030; cụ thể:

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.

- Phần đầu có ít nhất 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (39 xã); có ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (06 xã).

IV. Vốn thực hiện đề án³⁶: Tổng vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2026-2030: giai đoạn 2026-2030: 10.457.076.triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2026-

³⁴ như: Giảm nghèo và An sinh xã hội (*Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn*); Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số (*mô hình thôn thông minh*); Phát triển kinh tế nông thôn (*Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả; Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người*); Môi trường và cảnh quan nông thôn (*Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường*); Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng (*Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã*)...

³⁵Nghị quyết 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 ; đến năm 2030: Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; Phần đầu tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%; Phần đầu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại)

³⁶ Vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương dự kiến trên cơ sở dự kiến phương án tính toán của Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện Chương trình (bao gồm cả nông thôn mới, giảm nghèo và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS) tại Văn bản số 1788/BNNMT-VPĐP ngày 27/2/2026: Vốn ngân sách trung ương là 1.547.966 triệu đồng, Vốn ngân sách địa phương theo tỷ lệ đối ứng của Hà Tĩnh 126%, tương đương 1.950.438 triệu đồng; các nguồn vốn còn lại tính theo cơ cấu vốn được phê duyệt tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Vốn lồng ghép chiếm 34,5%; vốn tín dụng chính sách chiếm 2,2%; vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân 25%

2030: 1.780.030 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 2.225.030 triệu đồng;

- Vốn lồng ghép từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án khác: 3.607.691 triệu đồng;

- Vốn tín dụng chính sách: 230.056 triệu đồng;

- Huy động vốn doanh nghiệp và đóng góp tự nguyện của người dân, cộng đồng: 2.614.269 triệu đồng.

V. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, lâu dài của cả hệ thống chính trị, cần phải tiếp tục dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và nguồn lực thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết 257/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, triển khai thực hiện phong trào thi đua “Cả tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035”.

- Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng NTM; tạo môi trường thuận lợi để Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp và bộ máy tham mưu, giúp việc thực hiện Chương trình đảm bảo phát huy hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện Chương trình, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; duy trì chế độ kiểm tra, làm việc thường xuyên tại cơ sở để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giữ vững phong trào xây dựng nông thôn mới và bảo đảm Chương trình được triển khai thực chất, bền vững.

2. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch:

Tập trung rà soát, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn gắn với quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng và quy hoạch sử dụng đất, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự kiến trong năm 2026 hoàn thành rà soát, điều chỉnh quy hoạch tại 58/60 xã; riêng xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 tiếp tục thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển khu vực cửa khẩu và du lịch sinh thái.

3. Phát triển kinh tế nông thôn

- Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung bảo tồn, khôi phục các nghề, làng nghề có nguy cơ mai một; rà soát, thu hồi bằng công nhận đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đáp ứng điều kiện theo quy định.

Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm đang hoạt động trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung; đồng thời tăng cường quản lý vệ sinh môi trường, nước sạch và an toàn thực phẩm tại các nghề, làng nghề chưa được quy hoạch. Tăng cường xây dựng thương hiệu, tham gia chương trình OCOP, hội chợ xúc tiến thương mại và mở rộng hệ thống phân phối để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và cảnh quan sinh thái đặc trưng.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và tiểu thủ công nghiệp nông thôn: Kêu gọi, thu hút các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp đầu tàu có kinh nghiệm và tiềm lực tài chính để đầu tư vào các khu nông nghiệp công nghệ cao và nhà máy chế biến sâu. Tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và các trung tâm kinh tế lớn để mở rộng thị trường và chia sẻ nguồn nguyên liệu; Phát triển Khu kinh tế Vũng Áng thành trung tâm công nghiệp động lực quốc gia, không chỉ là trung tâm công nghiệp thép, xe điện và nhiệt điện mà còn là đầu mối logistics quan trọng cho xuất khẩu nông lâm thủy sản của toàn vùng.

- Phát triển thương mại và dịch vụ nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững: Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển các loại hình thương mại hiện đại (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp) và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp nhằm giảm chi phí trung gian, nâng cao giá trị nông sản. Chú trọng củng cố, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống theo hướng văn minh, hiện đại; phân đầu 100% các chợ nâng cấp, xây mới phải đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, công khai - minh bạch và ứng dụng giải pháp truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường cơ chế thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, quản lý và khai thác hạ tầng thương mại nông thôn. Phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp, chủ thể OCOP làm chủ công nghệ bán hàng trực tuyến, livestream và quảng bá sản phẩm trên các sàn TMĐT uy tín trong và ngoài nước. Duy trì và đổi mới phương thức tổ chức các lễ hội sản phẩm nông nghiệp, hội chợ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu hằng năm gắn với hoạt động du lịch trải nghiệm. Đồng thời, chủ động xây dựng mạng lưới kết nối cung - cầu linh hoạt, hỗ trợ đưa nông sản Hà Tĩnh thâm nhập sâu vào hệ thống phân phối hiện đại và các thị trường xuất khẩu tiềm năng. Phát triển sản phẩm OCOP theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có khả năng mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ. Tăng cường vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức sản xuất OCOP; khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ vùng nguyên liệu, chế biến, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm; rà soát, hỗ trợ, xây dựng chứng nhận nhãn hiệu tập thể/chỉ dẫn địa lý đối với các nhóm sản phẩm cùng đặc tính, cùng vùng, miền.

- Đẩy mạnh phát triển các hình thức du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn: Khai thác hiệu quả tài nguyên nông nghiệp, cảnh quan và văn hóa bản địa để xây dựng các sản phẩm đặc trưng; phát triển mô hình farmstay, homestay gắn với làng nghề, xây dựng các điểm du lịch nông thôn tiêu biểu theo hướng xanh, bền vững. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp lữ hành để xây

dựng, chào bán các tour trải nghiệm; đồng thời, bố trí các điểm check-in gắn với du lịch cộng đồng, phát động “mỗi đơn vị địa phương một sản phẩm mới” nhằm tạo thêm sản phẩm, điểm đến ấn tượng. Chú trọng đào tạo kỹ năng cho người dân ứng dụng công nghệ số trong quảng bá và gắn phát triển du lịch với bảo tồn tài nguyên bản sắc văn hóa, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

4. Hạ tầng kinh tế xã hội:

4.1 Thủy lợi, đê điều:

- Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa, đập dâng và trạm bơm xuống cấp (116 hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp, trong đó 44 hồ có nguy cơ mất an toàn cao; 171 trạm bơm và 21 đập dâng). Ưu tiên nguồn vốn từ các chương trình, dự án ngân sách đầu tư các công trình hồ đập và các công trình trạm bơm công suất lớn do Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh quản lý; đối với các công trình trạm bơm do UBND cấp xã quản lý giao các xã, phường tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư công cấp xã, chủ động huy động nguồn lực địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư nâng cấp các công trình trên địa bàn. Rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn, đặc biệt hệ thống công trình thủy lợi lớn³⁷ để kịp thời điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh nhiệm vụ của công trình (trong trường hợp cần thiết) phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế nhằm khai thác đa mục tiêu, phát huy tiềm năng, giá trị công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá tổng thể hồ chứa bao gồm dung tích thực tế, vùng tưới, diện tích phục vụ và nhu cầu sử dụng nước của hồ: Kê Gõ, Ngàn Trươi, Sông Rác, Thượng Sông Trí, Đá Hàn... để xây dựng kế hoạch tưới hàng năm sát với nhu cầu thực tế tưới các công trình, làm cơ sở quản lý, điều hành phòng chống thiên tai. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi từ đầu mối đến hệ thống kênh mương, khu tưới. Đối với hệ thống kênh chính (kênh chính, kênh cấp 1, 2, ... và kênh vượt cấp) do Công ty TNHH MTV thủy lợi Hà Tĩnh quản lý, khai thác tiếp tục giao Công ty đánh giá năng lực, hiệu quả phục vụ của hệ thống công trình, hiện trạng hư hỏng xuống cấp, sự cần thiết nâng cấp sửa chữa, sắp xếp thứ tự ưu tiên, bố trí nguồn vốn lồng ghép để sửa chữa lớn các hạng mục công trình, đầu tư kiên cố hóa đối với các tuyến kênh chưa kiên cố, sửa chữa các tuyến kênh chính bị hư hỏng xuống cấp; đối với các hạng mục sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên, tu sửa các tuyến kênh đã kiên cố nhưng bị hư hỏng thì bố trí nguồn vốn của Công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác. Hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất, phấn đấu đến năm 2030 có 80% kênh mương nội đồng được kiên cố hóa (theo đó mỗi năm cần kiên cố hóa bình quân 60km) thông qua cơ chế chính sách hỗ trợ của tỉnh.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình đê điều đáp ứng được yêu cầu chống chịu mưa, lũ lớn, dài ngày, kết hợp các giải pháp chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai bất lợi. Trước mắt, tập trung xóa bỏ những trọng điểm xung yếu về đê, kè, công trong đó tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến đê đảm bảo chống được bão lũ theo tần suất thiết như: đê Hội Thống (xã Đan Hải), đê Cẩm Nhượng (xã Thiên Cầm), đê Hoàn Đình (phường Sông Trí), tuyến

³⁷ như: Hệ Thống thủy lợi Ngàn Trươi, Kê Gõ, Sông Rác, Sông Tiêm, Đá Hàn, Sông Nghèn, Thượng Sông Trí...

đê biển xã Cổ Đạm (giai đoạn 2),...; đầu tư công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, đặc biệt là lưu vực sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu, sông Rác và các vùng cửa sông,...

4.2. Nước sạch nông thôn:

Tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới các công trình hiện có³⁸ đảm bảo phát huy tối đa công suất của công trình; ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các công trình cấp nước đô thị để cấp nước cho vùng nông thôn lân cận. Đối với các công trình đã đáp ứng đủ về công suất nhưng người dân vẫn có nhu cầu sử dụng, lắp đặt đầu nối tăng thêm thì giao các đơn vị quản lý công trình chủ trì phối hợp với quyền địa phương tổ chức rà soát xây dựng một dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường ống. Đối với các công trình xây dựng mới trong giai đoạn 2026-2030, ưu tiên thực hiện xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng chuyên nhượng công trình cho các tổ chức, cá nhân có năng lực quản lý, vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ cho người dân nông thôn.

Đối với những vùng đã có công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung nhưng việc đầu nối, sử dụng còn hạn chế, tiếp tục tăng cường tuyên truyền, vận động người dân hiểu rõ lợi ích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung và những nguy cơ từ việc sử dụng nước không hợp vệ sinh; tổ chức rà soát nhu cầu dùng nước của các hộ dân, đề thống nhất phương án cân đối nguồn lực các cấp (tỉnh, xã, đóng góp người dân) để vận động lắp đặt, đầu nối đồng hồ và sử dụng nước máy.

Đối với các vùng không có quy hoạch xây dựng công trình cấp nước tập trung, hiện đang sử dụng nguồn nước từ các công trình: giếng khoan, giếng đào, lu, bể chứa nước mưa, nguồn nước từ các ao hồ, sông, suối để sinh hoạt mà chưa đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT và các hộ dân vùng núi cao, vùng dân cư thưa thớt không thể đầu nối được với hệ thống mạng lưới cấp nước của các nhà máy cấp nước tập trung; ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án và có chính sách để hỗ trợ người dân lắp đặt các thiết bị xử lý nước hộ gia đình với phương châm “người dân là chủ đạo, nhà nước hỗ trợ một phần”.

4.3. Hạ tầng giao thông nông thôn:

Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo tính liên tục, tạo liên kết giữa các địa phương trong tỉnh với cả nước. Hỗ trợ phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt là tại các xã vùng miền núi, vùng bãi ngang, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, đặc biệt là nguồn vốn từ doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân, kết hợp với đầu tư ngân sách. Tăng cường công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch, đẩy mạnh việc gắn kế hoạch đầu tư phát triển nông thôn mới với quy hoạch xây dựng nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tăng cường nguồn lực đối với công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông.

4.4. Hạ tầng điện:

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây mới, nâng cấp, cải

³⁸ như nhà máy cấp nước Bắc Thạch Hà, Bắc Cẩm Xuyên, Thạch Bằng, Khánh Lộc, Cù Lây...

tao và hiện đại hóa hệ thống lưới điện trung, hạ áp tại khu vực nông thôn. Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các Hợp tác xã dịch vụ điện nhằm kiên cố hóa hệ thống, khắc phục tình trạng điện áp thấp, quá tải cục bộ và giảm thiểu tổn thất điện năng. Tổ chức xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu và các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, đẩy mạnh công tác số hóa dịch vụ phân phối, bán lẻ và từng bước hiện đại hóa lưới điện nông thôn, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, đáp ứng vững chắc tiêu chí về điện trong xây dựng nông thôn mới và phục vụ đặc lực cho yêu cầu sản xuất hàng hóa.

4.5. Hạ tầng thương mại, logistic nông thôn:

Tập trung nguồn lực nâng cấp, cải tạo hệ thống chợ nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đạt chuẩn về an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy. Khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý chợ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, đáp ứng tốt nhu cầu dân sinh và giao thương hàng hóa tại địa phương. Phát triển hạ tầng hậu cần (logistics) gắn với vùng sản xuất: ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, điểm tập kết, cơ sở bảo quản và sơ chế nông sản tại các vùng sản xuất tập trung. Mục tiêu nhằm giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh. Tăng cường tính kết nối liên vùng: chủ động tích hợp, kết nối hạ tầng thương mại nông thôn với hệ thống logistics trọng điểm của tỉnh, đặc biệt là trục kinh tế gắn với Khu kinh tế Vũng Áng và Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Hình thành các chuỗi cung ứng thông suốt từ nơi sản xuất nông nghiệp đến các cửa ngõ xuất khẩu và trung tâm tiêu thụ lớn.

4.6. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản:

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp nâng cấp, mở rộng các cảng cá bảo đảm đủ điều kiện kiểm soát tàu ra, vào cảng, giám sát sản lượng và truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác; đầu tư hoàn thiện khu neo đậu tránh trú bão, nạo vét luồng lạch đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác bền vững và chống khai thác IUU. Nâng cấp hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung, hoàn thiện hạ tầng các cơ sở sản xuất giống thủy sản nước ngọt. Đầu tư xây dựng khoảng 170 km đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vào các vùng rừng sản xuất là rừng trồng tập trung; xây dựng hệ thống đường băng cản lửa tại các khu vực rừng trồng tập trung có nguy cơ cháy cao. Đầu tư hạ tầng thiết yếu (đường giao thông, điện, cấp thoát nước) tại các khu vực đã và đang hình thành các trang trại chăn nuôi. Trên cơ sở các vùng sản xuất lúa, cây trồng tập trung ưu tiên cải tạo, nâng cấp, đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng điều kiện phục vụ sản xuất, tạo thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ...

5. Phát triển văn hóa, xã hội; bảo vệ môi trường; giữ vững an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn

- Đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng “đặt hàng” từ thị trường lao động. Nội dung đào tạo phải bám sát nhu cầu doanh nghiệp, nhất là các ngành có khả năng tạo việc làm tại chỗ như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng, dịch vụ – thương mại. Tránh

tình trạng đào tạo hình thức, không phù hợp dẫn đến người học không áp dụng được. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và hợp tác xã. Mô hình “đào tạo gắn với việc làm” cần được mở rộng, trong đó doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tiếp nhận thực tập và tuyển dụng sau đào tạo, xác định đây là giải pháp then chốt để nâng cao tính thực chất của đào tạo nghề. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thay đổi nhận thức của người dân về học nghề, đa dạng hình thức truyền thông, lồng ghép với các chương trình xây dựng nông thôn mới. Có chính sách hỗ trợ thiết thực cho người học như miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí sinh hoạt, vay vốn ưu đãi sau đào tạo để khởi nghiệp hoặc mở rộng sản xuất. Đặc biệt cần ưu tiên nhóm lao động yếu thế, lao động bị thu hồi đất sản xuất. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng lao động thuần nông, tăng lao động phi nông nghiệp. Khi có thêm việc làm trong công nghiệp, dịch vụ, nhu cầu đào tạo và nâng cao kỹ năng sẽ trở thành động lực tự thân của người lao động.

- Phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe khu vực nông thôn một cách toàn diện, hiện đại, công bằng, hiệu quả và bền vững, đảm bảo mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe suốt vòng đời, góp phần nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống Nhân dân. Tập trung củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao năng lực y tế dự phòng và chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phát triển dịch vụ y tế chuyên sâu, y tế thông minh, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại, gắn với chuyển đổi số, đổi mới cơ chế tài chính. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, chú trọng phát triển nhân lực y tế chất lượng cao để phát triển và ứng dụng và chuyển giao các kỹ thuật chuyên sâu, các kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị và chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn.

- Quan tâm cao xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp thiết chế văn hóa thể thao cơ sở như: nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, sân vận động xã, sân thể thao thôn; chú trọng quy mô diện tích, nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Xây dựng hệ thống đài truyền thanh thông minh, số hóa đồng bộ hệ thống truyền thanh cơ sở. Sắp xếp, bố trí sử dụng có hiệu quả các công trình văn hóa, thể thao cấp xã sau sáp nhập. Lắp đặt dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời, bố trí phân tán nhiều điểm vui chơi giải trí, thể thao trong khu dân cư để người dân dễ tiếp cận khai thác. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; áp dụng chuyển đổi số một số nội dung trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở. Nhân rộng các mô hình hoạt động văn hóa, thể thao; bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, tiến bộ.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo hướng tuần hoàn, bền vững; phấn đấu trên 95% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đúng quy định; đẩy mạnh áp dụng các mô hình xử lý chất thải thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp trực tiếp. Tập trung đẩy mạnh đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung theo hướng liên xã, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ hộ

dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt từ 80% trở lên; bảo đảm các công trình hoạt động hiệu quả, bền vững. Tiếp tục xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ gìn bản sắc văn hóa và không gian làng quê; đồng thời nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới cấp thôn giai đoạn 2026-2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tình huống tới xanh, văn minh, hiện đại.

- Tiếp tục tăng cường, nâng cao công tác đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Đề án, Kế hoạch... của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác đảm bảo ANTT trong xây dựng nông thôn mới. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong công tác bảo đảm ANTT; chủ động nắm chắc tình hình, có phương án giải quyết, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp về ANTT từ sớm, từ cơ sở; đồng thời sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”. Tiếp tục phát huy hiệu quả sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; xây dựng củng cố, duy trì hoạt động hiệu quả các mô hình “tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải”; củng cố, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở phát huy hiệu quả, bảo đảm số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa lực lượng Công an tỉnh với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số trên lĩnh vực bảo đảm ANTT; lắp đặt, duy trì hoạt động hiệu quả hệ thống camera AI giám sát an ninh tại địa bàn các xã.

6. Giải pháp về nguồn lực và cơ chế, chính sách:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động nguồn lực, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Ưu tiên bố trí đủ ngân sách địa phương đảm bảo tối thiểu theo tỷ lệ đối ứng quy định của Chương trình; Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn; huy động tối đa, đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa, xã hội hóa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân; rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên đầu tư tập trung, tránh dàn trải, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước; Ưu tiên nguồn lực cho xã khó khăn, xã phấn đấu đạt chuẩn và xã NTM hiện đại.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về nông thôn mới theo hướng đồng bộ, thống nhất, dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Phần thứ tư Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026–2030”; bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo quy định của Trung ương.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu việc tổ chức sắp xếp, kiện toàn bộ

máy tham mưu, giúp việc và triển khai thực hiện Chương trình theo hướng kế thừa giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo ổn định, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

2. Các sở, ban, ngành

2.1 Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các địa phương và đơn vị liên quan tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Chương trình NTM của các sở, ngành giai đoạn 2026 - 2030 và cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các địa phương và đơn vị liên quan tham mưu phát động phong trào thi đua thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

2.2 Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh; xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm; hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định khối lượng, lộ trình thực hiện từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, phát triển nông thôn phù hợp yêu cầu giai đoạn mới.

- Chủ trì phối hợp Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, các sở ngành và địa phương tham mưu ban hành các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện quy trình, hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM hiện đại theo đúng quy định; tổ chức thẩm định chặt chẽ, khách quan; không tham mưu công nhận khi chưa đạt yêu cầu thực chất.

2.3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành và địa phương tham mưu ban hành các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

- Theo dõi tiến độ thực hiện từng tiêu chí, từng xã; đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao; điều phối phối hợp giữa các cơ quan phụ trách tiêu chí nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các địa phương thực hiện quy trình, hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM hiện đại theo đúng quy định; tổ chức thẩm định chặt chẽ, khách quan; không tham mưu công nhận khi chưa đạt yêu cầu thực chất.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và cơ quan Trung

ương; tổ chức kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất; kịp thời tham mưu chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế.

2.4 Sở Tài chính:

a) Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh:

- Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) cho giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch vốn hằng năm theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm sử dụng vốn ngân sách trung ương, theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quy định nội dung, phương án lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo khoản 2, Điều 13, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; hoàn thành trước ngày 20/5/2026.

- Quy định hình thức, mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nội dung, dự án thực hiện từ nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình; hoàn thành trước ngày 20/5/2026.

b) Tham mưu thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND tỉnh.

2.5 Các sở ngành phụ trách tiêu chí

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn các xã thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định số.../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM hiện đại.

- Ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí NTM theo phân công;

3. Trách nhiệm của Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường

- Căn cứ Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM giai đoạn 2026-2030, rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn 10 tiêu chí, xây dựng Đề án/Kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ đạt các mục tiêu của Chương trình.

- Có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư thực hiện Chương trình. Tăng cường vận động, thu hút các nguồn lực xã hội hóa, vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng NTM theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

- Tổ chức bố trí, phân công cán bộ theo dõi, phụ trách Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; bảo đảm tính ổn định, hạn chế thay đổi thường xuyên cán bộ phụ trách; tạo điều kiện để cán bộ làm công tác nông thôn mới được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

Tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; tuyên truyền, vận động Nhân dân, đồng bào DTTS&MN tham gia tổ chức thực hiện Chương trình; biểu dương, tôn vinh, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và xây dựng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM TỈNH
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM TỈNH**

Ngô Đình Long